UBND XÃ CẨM GIANG **PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:52 /TB-VHXH	*Cẩm Giang, ngày* 05 *tháng 06 năm 2026*

THÔNG BÁO
Công khai danh sách đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng tháng 06/2026

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 176/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của thành phố Hải Phòng quy định chính sách hỗ trợ các nhóm đối tượng bảo trợ xã hội và mức phí chi trả trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ danh sách chi trợ cấp xã hội tháng 06/2026 của xã Cẩm Giang;

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Cẩm Giang thông báo công khai danh sách đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội tháng 06/2026, cụ thể như sau:

Tổng số đối tượng là: 1.977 người

Tổng kinh phí là: 1.886.850.000 đồng

(có danh sách cụ thể kèm theo)

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Cẩm Giang trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND xã (để b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã (để giám sát);
- Cổng TTĐT xã (để đăng tải);
- Lưu: VHXH.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
X. CẨM GIANG - T.P HẢI PHÒNG

Vũ Quang Thiều

Danh sách chi trả trợ cấp BTXH tháng 06 năm 2026 tại xã Cẩm Giang

(Kèm theo thông báo số:52.../TB-VHXH ngày 05/.06/2026 của phòng Văn hóa xã hội)

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
I. ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI (909 người)			**1.111.950.000**	**19.600.000**	**1.131.550.000**
1	Vũ Thị Ngời	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
2	Nguyễn Thế Minh Đức	TEKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
3	Phạm Văn Chắc	NCT.KT Khác(Gù) Nặng	1.400.000		1.400.000
4	Bùi Thị Đức	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
5	Nguyễn Thế Khiêm	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
6	Nguyễn Thế Anh	Người KT Trí tuệ Nặng	1.050.000		1.050.000
7	Nguyễn Văn Thính	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
8	Nguyễn Văn Bính	NCTKT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
9	Nguyễn Thị Châu Anh	Trẻ em KT trí tuệ, thần kinh; vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
10	Phạm Khánh Linh	Hộ GĐ chăm sóc nuôi dưỡng NKT ĐBN Nguyễn Thị Châu Anh	700.000		700.000
11	Nguyễn Thị Huê	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
12	Bùi Xuân Xế	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Huê)	700.000		700.000
13	Nguyễn Thị Cần	NCT khuyết tật vận động	1.400.000		1.400.000
14	Phạm Thị Măng	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
15	Vũ Thị Cán	NCTKT vận động, thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
16	Lê Thị Chiến	người cao tuổi khuyết tật vận động, nghe, nhìn, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
17	Vũ Thị Lợi	NCT.KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
18	Nguyễn Thị Báu	NKT thần kinh tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
19	Bùi Hữu Tuấn	NCTKT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
20	Bùi Thị Chắt	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
21	Phạm Thị Nguyệt	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
22	Nguyễn Thị Hát	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
23	Đoàn Thị Khang	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
24	Nguyễn Thị Đoan	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đoàn Thị Khang)	700.000		700.000
25	Nguyễn Trọng Hải	NKT KT thần kinh nặng	1.050.000		1.050.000
26	Nguyễn Thị Tình	NCT khuyết tật vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
27	Hoàng Thị Lý	Hộ GĐ chăm sóc nuôi dưỡng NCTKT ĐBN Nguyễn Thị Tình	700.000		700.000
28	Bùi Hữu Hựu	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
29	Phạm Thị Thuận	Người cao tuổi khuyết tật vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
30	Nguyễn Thị Quế	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
31	Phạm Thị Tuyền	NCT. KT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
32	Nguyễn Văn Đối	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Vũ Thị Cán)	700.000		700.000
33	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Người KT vận động, trí tuệ, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
34	Tạ Thị Thu	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Quỳnh Trang)	700.000		700.000
35	Nguyễn Thị Hằng	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Phong)	700.000		700.000
36	Vũ Văn Phong	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
37	Phạm Thị Thu	NCT KT vận động, khác (ung thư trực tràng) ĐBN	1.750.000		1.750.000
38	Vũ Tiến Giáp	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Thu)	700.000		700.000
39	Vũ Thị Thầm	NCT KT vận động, nghe, trí tuệ, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.750.000		1.750.000
40	Vũ Văn Ba	HGĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Vũ Thị Thầm)	700.000		700.000
41	Nguyễn Văn Chúc	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Quỳnh Lâm)	700.000		700.000
42	Nguyễn Thị Quỳnh Lâm	TE. KT thần kinh, tâm thần, vận động, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
43	Nguyễn Thị Hà	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đào Đắc Hạnh)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
44	Đào Đắc Hạnh	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
45	Nguyễn Thị Thanh	NKT vận Động ĐBN	1.400.000		1.400.000
46	Bùi Hữu Dậu	NCTKT nhìn, khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
47	Nguyễn Thị Tuất	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT nhìn, khác ĐBN (Bùi Hữu Dậu)	700.000		700.000
48	Phạm Thị Tê	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
49	Nguyễn Thị Tựa	NKT vận động, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
50	Hoàng Thị Tắm	HGĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Tựa)	700.000		700.000
51	Vũ Văn Sơn	Hộ GĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Cường)	1.050.000		1.050.000
52	Vũ Văn Cường	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
53	Bùi Thị Quỳnh Anh	TE KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
54	Mai Thị Hương	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi T Quỳnh Anh)	700.000		700.000
55	Bùi Thị Hoành	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
56	Vũ Thị Ngợi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
57	Bùi Quang Huệ	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
58	Bùi Quang Biên	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
59	PHạm Thị Lụa	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
60	Nguyễn Văn Năm	NCT KT vận động, nói nặng	1.400.000		1.400.000
61	Lê Minh Hiếu	Người KT trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
62	Lê Bá Thái Nguyên	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Minh Hiếu)	700.000		700.000
63	Nguyễn Thị Hiển	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
64	Vũ Thị Thuật	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
65	Bùi Thị Nghiên	NCT.KT Vận Động Nặng	1.400.000		1.400.000
66	Bùi Hữu Thịnh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
67	Đào Thị Thương	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
68	Nguyễn Thị Rát	NCTKT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
69	Phạm Văn Duy	NKT nghe, nói, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
70	Vũ Thị Bao	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
71	Nguyễn Văn Phấn	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Bao)	700.000		700.000
72	Nguyễn Thị Lư	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
73	Nguyễn Thị Loan	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
74	Nguyễn Thị Là	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
75	Nguyễn Thị Hằng	NKT vận động, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
76	Nguyễn Thị Luyến	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Hữu Tuấn)	700.000		700.000
77	Nguyễn Thị Hương	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Thiện)	700.000		700.000
78	Nguyễn Văn Thiện	NKT vận động đặc biệt nặng	1.400.000		1.400.000
79	Nguyễn Đức Toàn	TE KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
80	Nguyễn Văn Tuyền	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đức Toàn)	700.000		700.000
81	Nguyễn Tiến Tiến	NKT.Vận Động Nặng	1.050.000		1.050.000
82	Nguyễn Tiến Trung Hiếu	TE mồ côi mẹ, cha đang hưởng trợ cấp BTHX hàng tháng	1.050.000		1.050.000
83	Nguyễn Tường Vi	TE mồ côi mẹ, cha đang hưởng trợ cấp BTHX hàng tháng	1.050.000		1.050.000
84	Chu Đức Sắc	NCT KT Nhìn, khác Nặng	1.400.000		1.400.000
85	Trương Thị Quỳnh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
86	Vũ Văn Tùng	NKT thần kinh, tâm thần, nói ĐBN	1.400.000		1.400.000
87	Nguyễn Thị Miết	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Tùng)	700.000		700.000
88	Phạm Thị Cảnh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (bà Nguyễn Thị Nghiêm)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
89	Nguyễn Thị Nghiêm	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
90	Nguyễn Thị Xô	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
91	Nguyễn Văn Thành	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Xô)	700.000		700.000
92	Nguyễn Văn Hậu	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
93	Vũ Thị Thúy	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Hậu)	700.000		700.000
94	Bùi Thị Thụy	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
95	Bùi Thị Hiền	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
96	Nguyễn Thị Côi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
97	Bùi Văn Mậu	NCT KT.Vận Động Nặng	1.400.000		1.400.000
98	Nguyễn Thị Thứa	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
99	Nguyễn Văn Sang	NKT thần kinh nặng	1.050.000		1.050.000
100	Nguyễn Văn Khiêm	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
101	Nguyễn Thị Hữu	NKT Vận động, khác nặng	1.050.000		1.050.000
102	Bùi Thị Vụ	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
103	Nguyễn Thị Lai	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
104	Bùi Năng Tiến	NKT nhìn, trí tuệ, vận động nặng	1.050.000		1.050.000
105	Nguyễn Thị Lanh	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
106	Nguyễn Văn Tửu	HGĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Lanh)	700.000		700.000
107	Bùi Thị Hiền	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
108	Vũ Thế Viễn	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Thị Hiền)	700.000		700.000
109	Bùi Năng Gấm	NKT.Nhìn Nặng	1.050.000		1.050.000
110	Bùi Năng Năng	NKT.Nhìn Nặng	1.050.000		1.050.000
111	Bùi Thị Hồng	Người đơn thân nuôi 01 con nhỏ dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
112	Bùi Thị Hồng	NKT.Nhìn Nặng	1.050.000		1.050.000
113	Nguyễn Thị Cải	NCT KT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
114	Vũ Thị Lán	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
115	Lê Thị Lẩy	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
116	Bùi Quang Tuất	NCT KT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
117	Nguyễn Thị Ngừng	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
118	Vũ Thị Đận	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
119	Nguyễn Thị Tĩnh	NCT.KT Vận Động Nặng	1.400.000		1.400.000
120	Bùi Thị Thu Nguyệt	Người KT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
121	Bùi Năng Thẩm	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi T Thu Nguyệt)	700.000		700.000
122	Nguyễn Thị Cộng	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
123	Nguyễn Tuấn Minh	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
124	Bùi Quang Đức	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
125	Bùi Thị Chiều	NCT.KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
126	Bùi Thị Hằng	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
127	Lê Huy Giáp	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
128	Hà Thị Thái	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
129	Bùi Hữu Lịch	NCTKT nặng	1.400.000		1.400.000
130	Bùi Thị Thắm	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Hữu Hựu)	700.000		700.000
131	Bùi Thị Thiếu	NKT Nghe, Nói Nặng	1.050.000		1.050.000
132	Nguyễn Trọng Triệu	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
133	Nguyễn Văn Hưng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Thanh)	700.000		700.000
134	Nguyễn Thanh Lịch	NCT KT khác nặng	1.400.000		1.400.000
135	Nguyễn Thị Báu	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ	700.000		700.000
136	Đỗ Viết Hợi	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
137	Phạm Thị Bân	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
138	Phạm Thị Liền	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Tuyền)	700.000		700.000
139	Phạm Quang Dự	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
140	Phạm Thị Nủ	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
141	Phạm Văn Hiển	NCT. KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
142	Phạm Thị Lành	NKT trí tuệ, nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
143	Lê Văn Thoan	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
144	Phùng Văn Tâm	NCT KT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
145	Phạm Thị Chăm	NCT. KT thần kinh, tâm thần, nghe nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
146	Phạm Bình Định	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Chăm)	1.050.000		1.050.000
147	Vũ Văn Tập	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
148	Bùi Thị Pha	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Tập)	700.000		700.000
149	Trần Thị Sáo	NCT KT nhìn, vận động nặng	1.400.000		1.400.000
150	Phạm Thị Xoan	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
151	Phạm Thị Miên	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
152	Phùng Văn Cung	NKT thần kinh, tâm thần, vận động nặng	1.050.000		1.050.000
153	Nguyễn Thị Đức Phúc	TE KT vận động, trí tuệ, khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
154	Nguyễn Thị Xiêm	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Đức Phúc)	700.000		700.000
155	Phùng Xuân Hồng	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
156	Hoàng Thị Lan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phùng Xuân Hồng)	700.000		700.000
157	Hoàng Thị Viển	NCT KT vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
158	Nguyễn Văn Thìn	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Hoàng Thị Viển)	700.000		700.000
159	Phạm Thị Lan Anh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
160	Nguyễn Thị Thuyết	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
161	Vũ Thị Điều	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
162	Phạm Thị Hường	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Mẫn)	700.000		700.000
163	Nguyễn Văn Mẫn	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
164	Nguyễn Thị Bao	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Nguyễn Tùng)	700.000		700.000
165	Nguyễn Văn Cường	NKT nhìn, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
166	Nguyễn Văn Khiêm	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Cường)	1.050.000		1.050.000
167	Chu Đức Nhận	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
168	Phạm Thị Bột	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
169	Bùi Đình Tiến	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (NguyễnThị Ngừng)	700.000		700.000
170	Nguyễn Thị Ngoãn	NKT.Vận Động Nặng	1.050.000		1.050.000
171	Chu Đức Quyền	NKT nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
172	Vũ Thị Lược	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN Chu Đức Quyền	700.000		700.000
173	Nguyễn Thị Hời	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
174	Vũ Thị Tíu	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
175	Nguyễn Văn Hạp	NKTvận động, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
176	Đinh Thị Lạt	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Hạp)	700.000		700.000
177	Vũ Thị Quản	NCT KT Nghe, Nói Nặng	1.400.000		1.400.000
178	Vũ Xuân Lộc	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
179	Phạm Minh Nghĩa	TE. KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
180	Nguyễn Thị Huề	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Minh Nghĩa)	700.000		700.000
181	Nguyễn Xuân Xuyến	NCT khuyết tật vận động Nặng	1.400.000		1.400.000
182	Phạm Thị Thúy	Người KT trí tuệ, khác nặng	1.050.000		1.050.000
183	Bùi Thị Lượng	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
184	Chu Văn Vinh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Thị Lượng)	700.000		700.000
185	Nguyễn Thế Tuyền	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
186	Phạm Văn Cường	NCTKT nghe, nói, khác nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
187	Bùi Gia Bảo	TEKT vận động nói, trí tuệ, khác mức độ ĐBN và	1.750.000		1.750.000
188	Vũ Thị Ngọc Ánh	HGĐ nuôi dưỡng NKTĐBN (Bùi Gia Bảo)	700.000		700.000
189	Đoàn Thị Tới	NCT KT.Vận Động Nặng	1.400.000		1.400.000
190	Nguyễn Sỹ Tất	NCT KT nhìn, nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
191	Nguyễn Thị Hoa	NCTKT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
192	Nguyễn Thị Thìn	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
193	Bùi Thị Thúy	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
194	Triệu Thị Hạnh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
195	Nguyễn Thị Thơi	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
196	Phạm Văn Quang	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
197	Nguyễn Thị Thúy Hường	TE không có bố, MC mẹ	1.050.000		1.050.000
198	Phạm Văn Mười	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
199	Phạm Thị Chiên	NKT.Vận Động Nặng	1.050.000		1.050.000
200	Trương Văn Nhẹ	Người KT vận động, nói nặng	1.050.000		1.050.000
201	Vũ Thị Dung	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
202	Vũ Thị Lơ	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
203	Phạm Văn Tam	NCT KT Vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
204	Nguyễn Văn Anh Tú	Trẻ em KT vận động, nói, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
205	Bùi Thị Lâm Oanh	HGĐ nuôi dưỡng TEKTĐBN (Nguyễn Văn Anh Tú)	700.000		700.000
206	Lương Thị Huế	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
207	Vũ Thị Vi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
208	Vũ Văn Vượng	Hộ GĐ chăm sóc NKT ĐBN (Nguyễn Thị Trừ)	700.000		700.000
209	Nguyễn Thị Trừ	NCT khuyết tật vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
210	Trần Xuân Liên	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
211	Bùi Hữu Canh	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
212	Nguyễn Anh Quân	Người KT trí tuệ, thần kinh nặng	1.050.000		1.050.000
213	Nguyễn Tùng Lâm	TEKT khác nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
214	Trương Văn Thiện	NKT trí tuệ, nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
215	Vũ Thị Mỹ	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
216	Nguyễn Thị Sáng	NCTKT vận động, trí tuệ	1.400.000		1.400.000
217	Nguyễn Hiền Anh	TEKT vận động, trí tuệ khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
218	Nguyễn Thị Lan	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng TEKT ĐBN (Nguyễn Hiền Anh)	700.000		700.000
219	Trần Nguyễn Thuyết	NCTKT vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
220	Nguyễn Thị Mai	NCTKT trí tuệ, khác nặng	1.400.000		1.400.000
221	Nguyễn Minh Đức	TEKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
222	Cao Thị Thanh	NKT vận động, khác nặng	1.050.000		1.050.000
223	Nguyễn Minh Khang	TE khuyết tật vận động, trí tuệ, khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
224	Cao Thị Thương	HGĐ chăm sóc nuôi dưỡng TEKTĐBN (Nguyễn Minh Khang)	700.000		700.000
225	Phạm Khắc Hà	NCT khuyết tật nghe, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
226	Nguyễn Ngọc Phương Linh	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
227	Nguyễn Ngọc Phương Thúy	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
228	Đỗ Thị Cẩm My	Hộ GĐ nuôi dưỡng 02 NKT ĐBN (Nguyễn Thị Phương Linh và Nguyễn Thị Phương Thúy)	1.400.000		1.400.000
229	Trương Gia Bảo	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
230	Nguyễn Thị Phương	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trương Gia Bảo)	700.000		700.000
231	Vũ Văn Hà	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
232	Bùi Thị Đua	NKT KT trí tuệ, nói nặng	1.050.000		1.050.000
233	Nguyễn Văn Nghiêm	NCT KT thần kinh, tâm thần, vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
234	Phạm Thị Lan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Nghiêm)	700.000		700.000
235	Triệu Quang Thanh	NKT thần kinh, trí tuệ, khác nặng	1.050.000		1.050.000
236	Trần Mai Kiên	NCTKT vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
237	Bùi Kim Thoa	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Lê Thị Chiến)	700.000		700.000
238	Nguyễn Thị Nhẫn	NCTKT vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
239	Vũ Chung Kiên	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhẫn)	700.000		700.000
240	Phạm Thị Phương Nga	TE KT trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
241	Vũ Thị Thảo	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Phương Nga)	700.000		700.000
242	Lê Thị Sông	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
243	Nguyễn Văn Sơn	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động ĐBN (Nguyễn Thị Hà)	700.000		700.000
244	Bùi Thị Tẽo	NCTKT nặng	1.400.000		1.400.000
245	Bùi Thị Sen	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
246	Vũ Thị Nhài	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Thị Sen)	700.000		700.000
247	Vũ Thị Sô	NCTKT.Vận Động ĐBN	1.400.000		1.400.000
248	Hà Văn Luân	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Sô)	700.000		700.000
249	Trần Văn Nhanh	NCT KT thần kinh, tâm thần, nhìn, vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
250	Trần Thị Lương	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Văn Nhanh)	700.000		700.000
251	Nguyễn Văn Vũ	Người khuyết tật vận động nặng	1.050.000		1.050.000
252	Vũ Văn Toàn	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Điệp)	700.000		700.000
253	Vũ Hiểu Phong	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
254	Trịnh Quang Tráng	TE khuyết tật nói, trí tuệ, thần kinh ĐBN	1.750.000		1.750.000
255	Nguyễn Thị Dung	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng TEKT ĐBN (Trịnh Quang Tráng)	700.000		700.000
256	Vũ Văn Quyền	NKT thần kinh tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
257	Lê Thị Mua	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Văn Quyền)	700.000		700.000
258	Phạm Thị Tươi	NCT KT vận động, thần kinh tâm thần, khác nặng	1.400.000		1.400.000
259	Lê Thị Chung	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
260	Lương Đình Nhất	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
261	Vũ Thị Xoa	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lương Đình Nhất)	700.000		700.000
262	Phạm Thị Kim Thành	Hộ GĐ nuôi dưỡng TE NKT ĐBN (Nguyễn Ngọc Chi)	700.000		700.000
263	Nguyễn Đức Hải	NKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
264	Vũ Thị Nhiễu	NKT thần kinh, tâm thân, vận động nặng	1.050.000		1.050.000
265	Vũ Thị Mừng	NCTKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
266	Vũ Lệnh Cường	NKT tâm thần, vận động nặng	1.050.000		1.050.000
267	Nguyễn Đắc Hiền	NCT khuyết tật vận động nặng	1.400.000		1.400.000
268	Trịnh Ngọc Ngăm	NCT khuyết tật vận động nặng	1.400.000		1.400.000
269	Nguyễn Văn Nhuận	NCT khuyết tật vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
270	Nguyễn Thị Tâm	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
271	Nguyễn Văn Khánh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Tâm)	700.000		700.000
272	Nguyễn Thị Soạn	NCT khuyết tật vận động, đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
273	Ngô Văn Quỳnh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Soạn)	700.000		700.000
274	Bùi Thị Oanh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Tăng Thị Điệp)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
275	Nguyễn Ngọc Chi	Trẻ em KT trí tuệ, vận động và nghe nói	1.750.000		1.750.000
276	Phạm Thuần Quân	NKT thần kinh tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
277	Đặng Thị Muôn	NCT khuyết tật vận động, đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
278	Nguyễn Xuân Thương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Đặng Thị Muôn)	700.000		700.000
279	Nguyễn Tuấn Bàng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Bình)	700.000		700.000
280	Lê Thị Sõi	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đỗ Thị Rỗi)	700.000		700.000
281	Nguyễn Thị Yên	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ	700.000		700.000
282	Nguyễn Thị Yên	NKT thần kinh, tâm thần, nghe, nói, nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
283	Nguyễn Văn Hỏa	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
284	Nguyễn Tiến Quang	TEKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
285	Lê Minh Khiêm	TEKT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
286	Nguyễn Văn Tạo	NCTKT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
287	Vũ Thị Văn	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
288	Nguyễn Công Lực	NKT vận động, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
289	Nguyễn Công Cò	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
290	Vũ Thị Phèo	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
291	Cao Thị Sắc	NCTKT ĐBN & HGĐ nuôi dưỡng (Cao Thị Sắc)	2.450.000		2.450.000
292	Dương Thị Đính	NCTKT ĐBN và hộ gia đình nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN	2.800.000		2.800.000
293	Phạm Tú Anh	HGĐ nuôi dưỡngTE KT ĐBN Phạm Tú Anh); TEKT ĐBN	2.450.000		2.450.000
294	Nguyễn Thị Bẩy	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ, gia đình thuộc hộ cận nghèo	700.000		700.000
295	Nguyễn Thị Hiếu	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
296	Trần Thị Tuyết	NKT nhìn, vận động, khác (suy thận) nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
297	Nguyễn Văn Tuấn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Phạm Thị Phúc)	700.000		700.000
298	Nguyễn Thị Lan	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên không có chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ 01/2022/NQ-HĐND	1.400.000		1.400.000
299	Nguyễn Thị Bính	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
300	Lê Thị Hương	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
301	Vũ Thị Hương Quế	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đình Hải Đăng)	700.000		700.000
302	Nguyễn Đình Hải Đăng	NKT vận động, trí tuệ, nghe nói ĐBN	1.400.000		1.400.000
303	Trịnh Đình Chưng	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
304	Nguyễn Anh Tuấn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Trịnh Đình Chưng)	700.000		700.000
305	Vũ Thị Thắm	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
306	Nguyễn Thị Hồng	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
307	Lê Văn Thạch	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
308	Phạm Thị Thành	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
309	Phạm Thuần Thủy	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
310	Trần Thị Đáng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thuần Thủy)	700.000		700.000
311	Phạm Văn Dùng	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
312	Vũ Thị Mai	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Thăng)	1.050.000		1.050.000
313	Phạm Thị Thăng	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
314	Vũ Thị Xuân	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Duy Phú)	700.000		700.000
315	Phạm Duy Phú	NKT vận động, nói, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
316	Vũ Thị Hằng	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Hoan)	1.050.000		1.050.000
317	Phạm Thị Hoan	NKT vận động, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
318	Cao Thị Tập	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động, nói ĐBN (Nguyễn Văn Bình)	700.000		700.000
319	Phạm Anh Ngọc	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
320	Nguyễn Thị Xoa	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Anh Ngọc)	700.000		700.000
321	Nguyễn Văn Vở	NKT nghe, nói, khác (suy tim) nặng	1.050.000		1.050.000
322	Nguyễn Thị Khoa	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
323	Dương Thị Hảo	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
324	Nguyễn Thị Hằng	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Dương Thị Hảo)	700.000		700.000
325	Bùi Thị Ngắn	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
326	Phạm Đức Thanh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Thị Ngắn)	700.000		700.000
327	Nguyễn Văn Sang	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
328	Nguyễn Thị Tỉnh	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000	350.000	2.100.000
329	Cao Thị Loan	Hộ gia đình CSND NKT ĐBN (Nguyễn Thị Tỉnh)	700.000	700.000	1.400.000
330	Phạm Văn Cảnh	NKT vận động, nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
331	Nguyễn Văn Tiến	NKT vận động, khác (suy tim) ĐBN	1.400.000		1.400.000
332	Vũ Xuân Đảo	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
333	Bùi Văn Khải	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
334	Lê Thị Vũ	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Văn Khải)	700.000		700.000
335	Nguyễn Văn Hoãn	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
336	Nguyễn Thị Y	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
337	Nguyễn Thị Tình	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
338	Vũ Thị Vít	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Hữu Tâm-Nguyễn Văn Hữu)) (Nguyễn Văn Hữu)	700.000		700.000
339	Nguyễn Hữu Tâm	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
340	Vũ Thị Quýnh	người cao tuổi khuyết tật vận động, trí tuệ mức độ đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
341	Bùi Trí Tuệ	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
342	Nguyễn Văn Quát	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
343	Nguyễn Thị Phương	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Văn Thiện)	700.000		700.000
344	Lê Văn Thiện	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
345	Nguyễn Thị Cảo	NCT.KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
346	Phạm Thị Nhuận	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động ĐBN (Nguyễn Thị Gắn)	700.000		700.000
347	Nguyễn Thị Gắn	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
348	Bùi Thị Hài	NCT.KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
349	Lê Văn Kiểm	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
350	Vũ Thanh Sam	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Văn Hoan)	700.000		700.000
351	Lê Văn Hoan	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
352	Nguyễn Văn Sắc	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
353	Nguyễn Thị Mạ	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
354	Nguyễn Công Khương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Mạ)	700.000		700.000
355	Nguyễn Văn Nghiêm	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
356	Nguyễn Thị Dự	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
357	Vũ Thị Đó	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên không có chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ 01/2022/NQ-HĐND	1.400.000		1.400.000
358	Nguyễn Thị Cẩn	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
359	Cao Quang Thuyết	NKT vận động, nói nặng	1.050.000		1.050.000
360	Cao Thị Xầm	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
361	Nguyễn Thị Bé	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
362	Chung Thị Chắn	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
363	Nguyễn Bá Đằng	NCT KT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
364	Nguyễn Văn Ổn	NKT vận động, nói, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
365	Phạm Khắc Xuân	NCT.KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
366	Phạm Thị Mùi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
367	Nguyễn Thị Mỳ	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động, nói ĐBN (Nguyễn Văn Thưởng)	700.000		700.000
368	Nguyễn Thị Dụ	NCT KT nghe, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
369	Trần Thị Biên	NCT KT nghe, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
370	Lê Thị Miễn	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Thị Hiệp)	700.000		700.000
371	Lê Thị Hiệp	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
372	Phạm Thị Phương Anh	TE KT trí tuệ, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
373	Bùi Thị Hoài	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ	700.000		700.000
374	Bùi Thị Hoài	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Bùi Văn Tiến)	700.000		700.000
375	Bùi Văn Tiến	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
376	Nguyễn Thị Mai	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
377	Dương Thị Yến	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Mai)	700.000		700.000
378	Vũ Đình Sứng	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
379	Vũ Đình Phát	NCT KT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
380	Vũ Thị Chiển	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
381	Cao Quang Hiền	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Chiển)	700.000		700.000
382	Vũ Đình Điệt	NCT KT thần kinh, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
383	Nguyễn Đình Kha	NCT KT Vận động, trí tuệ, khác nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
384	Phạm Khắc Hải	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Khăc Đương)	700.000		700.000
385	Phạm Đức Tuyến	NKT vận động, khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
386	Phạm Đức Quyền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT vận động, khác ĐBN (Phạm Đức Tuyến)	700.000		700.000
387	Lê Thị Giảng	NCTKT vận động, nói nặng	1.400.000		1.400.000
388	Vũ Thị Định	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Thị Tiển)	700.000		700.000
389	Lê Thị Huyền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN(Phạm Thị Phương Anh)	700.000		700.000
390	Lê Văn Diệp	NKT vận động, thần kinh nặng	1.050.000		1.050.000
391	Nguyễn Thị Luyến	NKT vận động, nói nặng	1.050.000		1.050.000
392	Dư Thị Thắm	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
393	Nguyễn Thị Doãn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Thị Dõng)	700.000		700.000
394	Cao Thị Dõng	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
395	Vũ Đình Quỹ	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Phèo)	700.000		700.000
396	Cao Thị Quỳnh Như	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
397	Nguyễn Thị Huệ	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Thị Quỳnh Như)	700.000		700.000
398	Nguyễn Thị Hòa	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Quang Dâng)	700.000		700.000
399	Cao Quang Dâng	NCT.KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
400	Nguyễn Thị Tường	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
401	Nguyễn Duy Hiệp	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Tường)	700.000		700.000
402	Lê Thị Hà	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Văn Ngọc)	700.000		700.000
403	Trần Văn Ngọc	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
404	Vũ Thị Nhàn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN (Nguyễn Văn Nhượng)	700.000		700.000
405	Nguyễn Văn Nhượng	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
406	Nguyễn Thị Dần	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.400.000		1.400.000
407	Nguyễn Ngọc Bảo Vi	TEKT trí tuệ, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
408	Phạm Thị Hiền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Ngọc Bảo Vi)	700.000		700.000
409	Phạm Đức Anh	TE KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
410	Phạm Văn Hùng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Đức Anh)	700.000		700.000
411	Phạm Thị Huyên	NCTKT thần kinh tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
412	Đỗ Thị Nga	Hộ gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Trịnh Thị Chuyển)	700.000		700.000
413	Hoàng Văn Thảo	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
414	Nguyễn Văn Dân	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
415	Cao Quang Dương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Chít)	700.000		700.000
416	Nguyễn Thị Chít	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
417	Ngô Thị Tịnh	NKT vận động, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
418	Nguyễn Văn Từ	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Ngô Thị Tịnh)	700.000		700.000
419	Phan Đăng Lâm	TE KT trí tuệ, vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
420	Trần Thị Thu Hường	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phan Đăng Lâm)	700.000		700.000
421	Phạm Thị Toản	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
422	Lê Thị Tuy	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Văn Thắng)	700.000		700.000
423	Vũ Đình Thạo	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Thị Bẩy)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
424	Cao Thị Bẩy	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
425	Tống Thị Thoa	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Dân)	700.000		700.000
426	Hoàng Thị Tuyết	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Tiến)	700.000		700.000
427	Cao Quang Dương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Dự)	700.000		700.000
428	Mai Hoàng Phúc	TE khuyết tật trí tuệ, nghe nói mức độ đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
429	Nguyễn Thị Phương Sinh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN Mai Hoàng Phúc)	700.000		700.000
430	Nguyễn Thị Lựu	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Ngô Văn Nhạ)	700.000		700.000
431	Ngô Văn Nhạ	NCT KT nhìn, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
432	Nguyễn Thị Tý	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
433	Phạm Thảo Vy	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
434	Trịnh Thị Nhung	NCT khuyết tật vận động nặng	1.400.000		1.400.000
435	Nguyễn Duy Phước	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
436	Nguyễn Thị Chuyên	NCT KT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.750.000		1.750.000
437	Trịnh Thị Nhuần	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
438	Nguyễn Duy Thịnh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Huệ); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
439	Nguyễn Thị Nguyên	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
440	Nguyễn Thị Thuyết	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trịnh Ngọc Tĩnh); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
441	Nguyễn Thị Đoàn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
442	Hoàng Thị Tỉnh	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trịnh Thị Khuyên); NCT80	1.400.000		1.400.000
443	Hoàng Đình Huân	NCTKT ĐBN & HGĐ nuôi dưỡng (Hoàng Đình Huân)	2.450.000		2.450.000
444	Vũ Hữu Đồng	NCTKT ĐBN & HGĐ nuôi dưỡng (Vũ Hữu Đồng)	2.450.000		2.450.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
445	Ngô Thị Viền	NCT khuyết tật vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
446	Nguyễn Thị Ninh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Ngô Thị Viền)	700.000		700.000
447	Lưu Thị Nguyệt	Người đơn thân nghèo nuôi 02 con nhỏ dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo	1.400.000		1.400.000
448	Dương Thị Hạnh	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
449	Trịnh Ngọc Hòa	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trịnh Ngọc Chung)	700.000		700.000
450	Nguyễn Thị Vượng	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
451	Bùi Thị La	NCTKT ĐBN & HGĐ nuôi dưỡng (Bùi Thị La)	2.450.000		2.450.000
452	Vũ Thị Nhi	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
453	Ngô Văn Lượng	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Ngô Văn Nghĩa)	700.000		700.000
454	Lê Thị Múp	NCT KT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
455	Vũ Thị Thảo	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
456	Lê Đình Lịch	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Đình Binh)	700.000		700.000
457	Nguyễn Thị Ngòi	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
458	Nguyễn Thị Nga	NCT KT vận động, nghe, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
459	Nguyễn Thị Thạo	NCT.KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
460	Nguyễn Tuấn Chính	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
461	Đỗ Thị Lộc	Đơn thân nuôi 01 con nhỏ thuộc hộ CN	700.000		700.000
462	Vũ Thị Ninh	NCT. KT nghe nói, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
463	Vũ Thạch Phúc	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
464	Nguyễn Thị Soan	NCT KT vận động, nghe nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
465	Phan Huyền Thinh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Chuyên)	700.000		700.000
466	Vũ Thị Nìn	NCT KT vận động, khác (suy tim) nặng	1.400.000		1.400.000
467	Vũ Thế Nam	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
468	Vũ Thị Chế	NCT KT vận động, khác (bừu lưng) nặng	1.400.000		1.400.000
469	Vũ Thị Toan	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
470	Nguyễn Quang Đăng	NCTKT ĐBN & HGĐ nuôi dưỡng (Nguyễn Quang Đăng)	2.450.000		2.450.000
471	Bùi Thị Tình	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
472	Hoàng Thị Ký	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
473	Trần Thị Ánh	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
474	Đào Quang Tấn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Soan)	700.000		700.000
475	Nguyễn Đắc Thuỷ	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
476	Phạm Thị Lan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Nga); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
477	Nguyễn Thị Nhỉ	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
478	Vũ Ngọc Thường	NCT. KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
479	Nguyễn Thị Bé	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
480	Nguyễn Thị Mũn	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
481	Đỗ Thị Rỗi	NCTKT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
482	Nguyễn Thị Phượng	NKT nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
483	Nguyễn Thị Minh Hải	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Hải); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
484	Vũ Thị Bình	NCT KT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
485	Vũ Thị Trà My	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
486	Nguyễn Văn Đông	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Sính); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
487	Vũ Đình Mạnh	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Đình Kỳ); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
488	Nguyễn Thị Doằn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
489	Nguyễn Thị Thắm	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
490	Vũ Hữu Tĩnh	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
491	Vũ Thị Xim	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
492	Đỗ Hữu Cách	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
493	Vũ Thị Quy	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
494	Vũ Thị Minh Khánh	HGĐ nuôi dưỡngTE KT ĐBN Vũ Thị Minh Khánh); TEKT ĐBN	2.450.000		2.450.000
495	Lê Văn Vấn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
496	Đỗ Hữu Lâu	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Thị Múp)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
497	Nguyễn Thị Nghiệp	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (bà Nguyễn Thị Nga)	700.000		700.000
498	Vũ Thị Dụ	HGĐ nuôi dưỡng 01 NKT ĐBN (Vũ Thị Thoa)	700.000		700.000
499	Vũ Thị Loan	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
500	Vũ Thị Thơ	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
501	Nguyễn Thị Thi	NCTKT nhìn ĐBN nặng	1.750.000		1.750.000
502	Nguyễn Hữu Quân	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT vận động, nhìn ĐBN (Nguyễn Thị Thi)	700.000		700.000
503	Nguyễn Thị Đỷ	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
504	Vũ Thị Hạnh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT vận động ĐBN (Lê Thị Dỏng)	700.000		700.000
505	Lê Thị Liên	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
506	Nguyễn Thị Bồi	NCTKT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
507	Vũ Thị Gái	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
508	Vũ Duy Úy	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Bồi)	700.000		700.000
509	Vũ Thị Huân	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
510	Lê Đức Thắng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Duy Khoa)	700.000		700.000
511	Nguyễn Hữu Lai	NKT tim mạch, khác nặng	1.050.000		1.050.000
512	Nguyễn Thị Hiếu	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Thị Gụ)	700.000		700.000
513	Lý Thị Thuyền	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Hữu Thắng) và NKT vận động, nghe, nói, nhìn ĐBN	2.100.000		2.100.000
514	Vũ Thị Diên	NCT. KT vận động, nghe nói nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
515	Phạm Thị Thoan	Người đơn thân nuôi 02 con nhỏ thuộc diện hộ cận nghèo	1.400.000		1.400.000
516	Trịnh Ngọc Nhu	NCT khuyết tật vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
517	Nguyễn Đắc Ca	Người cao tuổi khuyết tật vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
518	Đỗ Thị Phượng	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đắc Ca)	700.000		700.000
519	Nguyễn Đình Dân	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Điểm)	700.000		700.000
520	Vũ Thạch Thanh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thạch Phúc)	700.000		700.000
521	Lê Duy Điệu	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Dương Thị Hạnh)	700.000		700.000
522	Cao Quang Học	HGĐ nuôi dưỡngTE KT ĐBN Cao Quang Học); TEKT ĐBN	2.450.000		2.450.000
523	Dương Ngọc Hiền	NCT KT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
524	Phạm Văn Tuyên	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
525	Ngô Thị Bắc	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
526	Nguyễn Thị Mến	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
527	Đào Văn Quang	Người khuyết tật thần kinh tâm thần, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
528	Phạm Thị Mùi	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đào Văn Quang)	700.000		700.000
529	Nguyễn Văn Nghĩa	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
530	Vũ Văn Mích	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
531	Nguyễn Duy Cấp	NCT khuyết tật vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
532	Phạm Hải Yến	Trẻ em khuyết tật vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
533	Phạm Quốc Khánh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng Trẻ em KT trí tuệ ĐBN (Phạm Hải Yến)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
534	Cao Thị Mão	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
535	Vũ Đình Nam	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Thị Mão)	700.000		700.000
536	Nguyễn Tuấn Vinh	TE KT nghe, nói, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
537	Nguyễn Văn Miên	Người khuyết tật nhìn mức độ khuyết tật ĐBN	1.400.000		1.400.000
538	Hà Thị Hường	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NKT nhìn ĐBN (Nguyễn Văn Miên)	700.000		700.000
539	Cao Quang Hùng	NKT nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
540	Nguyễn Thị Lân	NCT khuyết tật vận động nặng	1.400.000		1.400.000
541	Vũ Thị Tuy	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
542	Cao Quang Phong	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCT KT vận động ĐBN (Vũ Thị Tuy)	700.000		700.000
543	Lê Văn Minh	Trẻ em KT trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
544	Bùi Thị Hương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng Trẻ em KT trí tuệ ĐBN (Lê Văn Minh)	700.000		700.000
545	Phạm Đức Phúc	Trẻ em KT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
546	Lê Thị Miền	Người KT nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
547	Trịnh Thị Mẫn	NCTKT nghe, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
548	Vũ Thị Hương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhẻ)	700.000		700.000
549	Nguyễn Đình Nhu	NCT KT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
550	Cao Quang Vụ	NKT vận động, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
551	Cao Thị Chính	Hộ GĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cao Quang Vụ)	1.050.000		1.050.000
552	Vũ Thị Chang	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
553	Nguyễn Duy Quỵnh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
554	Nguyễn Duy Thảnh	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
555	Nguyễn Duy Quế	NCT KT nhìn Nặng	1.400.000	1.400.000	2.800.000
556	Nguyễn Thị Đênh	NCTKT vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
557	Trình Văn Nhất	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
558	Vũ Thị Nhụ	NKT vận động, nghe nói nặng	1.050.000		1.050.000
559	Vũ Thị Hùng	NCT khuyết tật Nghe, trí tuệ Nặng	1.400.000		1.400.000
560	Vũ Thị Trịnh	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
561	Vũ Thị Chang	Trẻ em KT trí tuệ, nói nặng	1.400.000		1.400.000
562	Trịnh Đình Tùng	Trẻ em KT thần kinh, tâm thần, khác	1.400.000		1.400.000
563	Nguyễn Thị Ngãi	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Thị Nhuận)	700.000		700.000
564	Trần Thị Nhuận	NCTKT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
565	Nguyễn Thị Yên	NCT.KT thần kinh nặng	1.400.000		1.400.000
566	Nguyễn Công Kiền	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
567	Bùi Thị Hà	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
568	Nguyễn Thị Hội	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
569	Lê Thị Điều	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
570	Nguyễn Thị Quyên	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
571	Nguyễn Thị Bé	NCTKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
572	Phạm Thị Thêu	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Văn Nhuận)	700.000		700.000
573	Nguyễn Xuân Thương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Đặng Thị Muôn)	700.000		700.000
574	Nguyễn Thị Lượt	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
575	Nguyễn Văn Đàn	NCTKT thần kinh tâm thần, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
576	Nguyễn Đình Bằng	NCT KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
577	Nguyễn Đình Thiện Nhân	TE vận động, trí tuệ, khác nặng	1.400.000		1.400.000
578	Vũ Thị Trang	NCTKT vận động mức độ nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
579	Trịnh Ngọc Kiên	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
580	Lê Thị Nhờ	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.400.000		1.400.000
581	Hoàng Thị Nhung	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
582	Nguyễn Thị Nhờ	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
583	Ngô Thị Bẩy	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhờ)	1.050.000		1.050.000
584	Trình Thị Hương	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
585	Trịnh Thị Thanh	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
586	Trịnh Thị Ngân	NKT vận động, nói, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
587	Lưu Thị Bích Hiền	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
588	Trịnh Thị Vân	NCT thuộc hộ nghèo, không có chồng, con hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
589	Đoàn Ngọc Linh	TEKT trí tuệ mức độ nặng	1.400.000		1.400.000
590	Ngô Thị Mềm	NKT nhìn, khác nặng	1.050.000		1.050.000
591	Nguyễn Thị Tường	NCTKT nặng	1.400.000		1.400.000
592	Nguyễn Văn Lại	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
593	Hoàng Thị Ngân	NKT khác nặng	1.050.000		1.050.000
594	Nguyễn Thị Hoa	HGĐ CSND NKT ĐBN (Nguyễn Hữu Hạnh); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
595	Nguyễn Văn Vụ	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
596	Vũ Thị Là	HGĐ CSND NKT ĐBN (Nguyễn Ngọc Nghiệm); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
597	Nguyễn Thị Hảo	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
598	Nguyễn Thị Hạt	HGĐCSNDNKTĐBN (Hà Thế Dương); NKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
599	Nguyễn Tiến Phong	NKT vận động, nghe nói ĐBN	1.400.000		1.400.000
600	Nguyễn Thị Luý	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
601	Nguyễn Văn Sinh	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng 02 NKT ĐBN (Nguyễn Thị Mười và Nguyễn Thị Tiệm)	2.100.000		2.100.000
602	Nguyễn Thị Mười	NKT vận động, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
603	Hà Thị Bầu	NCT KT vận động, nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
604	Trần Hoàng Anh	TE. KT vận động, nghe, nói, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
605	Nguyễn Thị Lạc	NKT nghe nói, thần kinh tâm thần, trí tuệ, khác ĐBN	1.400.000		1.400.000
606	Nguyễn Thị Kim Lan	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Lạc)	1.050.000		1.050.000
607	Hà Thị Nguyệt	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
608	Nguyễn Thị Sùng	NCT. KT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
609	Nguyễn Thị Rô	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
610	Nguyễn Văn Noi	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
611	Nguyễn Thị Thậm	NCTKT vận động, nghe nói, trí tuệ khác ĐBN	1.750.000		1.750.000
612	Trần Thị Hưng	HGĐ chăm sóc nuôi dưỡng NCT KT ĐBN (Nguyễn Thị Thậm)	700.000		700.000
613	Nguyễn Bá An	NKT nghe, nói, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
614	Hoàng Tất Đạt	NKT trí tuệ, khác (tim mạch) nặng	1.050.000		1.050.000
615	Nguyễn thị Vẻ	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
616	Hoàng Thị Nụ	NKT vận động, nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
617	Nguyễn Thị Tiếp	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
618	Nguyễn Thị Thời	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
619	Hoàng Văn Chung	NKT vận động, nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
620	Nguyễn Thị Hay	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
621	Phạm Thị Sánh	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
622	Nguyễn Thị Chọn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
623	Nguyễn Thị Thanh	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
624	Nguyễn Thị Tài	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Thị Mính)	700.000		700.000
625	Lê Thị Huệ	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Noi)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
626	Phạm Thị Nhuận	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Hà Thị Bầu)	700.000		700.000
627	Hoàng Thị Như	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
628	Nguyễn Thị Tài	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Hoàng Anh)	700.000		700.000
629	Nguyễn Văn Bẩy	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
630	Nguyễn Thị Ngói	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
631	Trần Thị Tấm	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
632	Hoàng Thị Đồi	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
633	Hoàng Thị Bẩy	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
634	Nguyễn Danh Đài	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
635	Nguyễn Danh Lộc	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT nhìn ĐBN (Nguyễn Thị Bấy)	700.000		700.000
636	Nguyễn Thị Bỏng	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
637	Nguyễn Thị Dẻo	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
638	Nguyễn Thị Toan	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
639	Nguyễn Thị Liêm	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
640	Nguyễn Thị Thế	NCTKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
641	Nguyễn Thị Nhẹ	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
642	Nguyễn Văn Phong	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
643	Nguyễn Đình Quyền	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
644	Trần Thị Hảo	NKT vận động, nghe nói nặng	1.050.000		1.050.000
645	Nguyễn Thị Tiệm	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
646	Lương Văn Lập	NCT KT vận động, nghe nói nặng	1.400.000		1.400.000
647	Tăng Thị May	NCTKT vận độn, thần kinh, tâm thằng nặng	1.400.000		1.400.000
648	Trần Thị Xong	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
649	Trần Thị Sáu	HGĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Thị Xong)	1.050.000		1.050.000
650	Lê Đình Ái	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lê Đình Phụ); NCT80	1.400.000		1.400.000
651	Nguyễn Thị Thơm	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
652	Nguyễn Đình Thuấn	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Thú)	700.000		700.000
653	Nguyễn Thị Đường	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
654	Nguyễn Thị Thoan	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Tiến Vĩ); NCTKT ĐBN	2.100.000		2.100.000
655	Trần Văn Đôn	NCTKT ĐBN & HGĐ nuôi dưỡng (Trần Văn Đôn)	2.450.000		2.450.000
656	Đào Thị Hường	NKT nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
657	Hà Thị Ngoan	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
658	Nguyễn Thị Quyên	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
659	Nguyễn Thị Luân	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
660	Nguyễn Văn Thống	NCT KT vận động, nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
661	Nguyễn Thị Chuyền	NCT KT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
662	Hoàng Thị Bính	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
663	Nguyễn Thị Bi	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Đào Thị Hường)	700.000		700.000
664	Nguyễn Thị Nhủ	NCTKT vận động đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
665	Nguyễn Văn Lịch	HGĐ nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhủ)	700.000		700.000
666	Nguyễn Thị Nhủ	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
667	Cấn Thị Ánh Tuyết	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
668	Nguyễn Thị Hưng	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
669	Nguyễn Bá Xuân	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
670	Nguyêễn Thị Sen	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
671	Nguyễn Thị Miền	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
672	Nguyễn Ngọc Thăng	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
673	Vũ Thị Nhưng	NCTKT vận động, thần kinh, tâm thần, khác đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
674	Nguyễn Thị Hồng	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Văn Thường)	1.050.000		1.050.000
675	Nguyễn Đắc Khánh Toàn	TE KT thần kinh, tâm thần, vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
676	Nguyễn Thị Nhàn	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đắc Khánh Toàn)	700.000		700.000
677	Nguyễn Văn Thường	NKT thần kinh, tâm thần, vận động ĐBN	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
678	Nguyễn Thị Mùi	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
679	Nguyễn Thị Xuyến	NCT. KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
680	Nguyễn Hữu Trường	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
681	Nguyễn Thị Loan	NKT nghe nói, thần kinh tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
682	Vũ Thị Thanh	NCTKT vận động, khác nặng	1.400.000		1.400.000
683	Nguyễn Ngọc Nhuận	NKT vận động, nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
684	Nguyễn Thị Phương	NKT nghe, nói nặng	1.050.000		1.050.000
685	Nguyễn Thị Ạnh	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
686	Nguyễn Hữu Đương	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
687	Nguyễn Thị Doan	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
688	Nguyễn hữu Sáng	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
689	Vũ Thị Huệ	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Hữu Sáng)	700.000		700.000
690	Nguyễn Thị Huệ	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Sự)	700.000		700.000
691	Nguyễn Thị Đáng	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
692	Nguyễn Thị Lịch	Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có vợ, chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp hoặc có nhưng những người này đã chết hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	1.050.000		1.050.000
693	Nguyễn Hữu Lương	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT nhìn ĐBN (Nguyễn Hữu Bằng)	700.000		700.000
694	Vũ Thị Thông	NCTKT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
695	Nguyễn Văn Dứa	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Thông)	700.000		700.000
696	Nguyễn Quang Quê	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
697	Nguyễn Hữu Thăng	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
698	Nguyễn Thị Toan	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
699	Vũ Thị Nụ	NCTKT vận động, nghe, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
700	Nguyễn Thị Toán	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng TE mồ côi (Nguyễn Tuyết Liên)	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
701	Nguyễn Đình Bài	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Toan)	700.000		700.000
702	Nguyễn Thị Nhàn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Thị Nụ)	700.000		700.000
703	Nguyễn Tuyết Liên	Trẻ em dưới 16 tuổi mồ côi cả cha và mẹ không có nguồn nuôi dưỡng	1.050.000		1.050.000
704	Nguyễn Ngọc Thạo	NCTKT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
705	Nguyễn Thị Xoa	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
706	Nguyễn Thị Tề	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
707	Nguyễn Thị Hằng	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Tề)	700.000		700.000
708	Vũ Xuân Trường	NKT vận động, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
709	Nguyễn Thị Mây	Người cao tuổi khuyết tật vận động nhìn mức độ đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
710	Nguyễn Đình Thể	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Mây)	700.000		700.000
711	Nguyễn Thị Sớm	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đắc Kho)	700.000		700.000
712	Nguyễn Thị Tuyến	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Vũ Xuân Trường)	700.000		700.000
713	Nguyễn Hữu Phụng	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
714	Nguyễn Thị Huê	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
715	Vũ Thị Hoè	NCTKT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
716	Nguyễn Thị Sể	NCTKT vận động vặng	1.400.000		1.400.000
717	Lê Thị Ngoan	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
718	Nguyễn Thị Chiều	NCT. KT vận động, tâm thần kinh nặng	1.400.000		1.400.000
719	Lê Thị Tấm	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
720	Nguyễn Thị Nâng	NCT. KT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
721	Nguyễn Thị Tuyết	NCT. KT nghe nói nặng	1.400.000		1.400.000
722	Nguyễn Trung Hoàn	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
723	Nguyễn Thị Láng	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
724	Lê Nho Phan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Huề)	700.000		700.000
725	Nguyễn Thị Khịch	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Xuân)	700.000		700.000
726	Nguyễn Thị Luồng	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Nhung)	700.000		700.000
727	Nguyễn Trung Phố	HGĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Trung Hoàn)	1.050.000		1.050.000
728	Lê thị Phướn	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
729	Phạm Thị Mẽ	NCT khuyết tật vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
730	Phạm Đức Tụng	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
731	Lương Thị Xá	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
732	Lương Văn Hồng	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
733	Phạm Thị Sôi	NCT KT nhìn, vận động BBDN	1.750.000		1.750.000
734	Nguyễn Thị Quyết	NCT KT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
735	Phạm Đức Hạ	NCTKT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
736	Triệu Thị Đoan	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
737	Lương văn Chử	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Triệu Thị Đoan)	700.000		700.000
738	Phạm Đức Hanh	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lương Thị Hợi)	700.000		700.000
739	Nguyễn Thị Dịp	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Lương Văn Hồng)	700.000		700.000
740	Nguyễn Thị Nhì	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
741	Nguyễn Văn Quý	NCTKT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
742	Nguyễn Thu Hiền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng TEKT ĐBN (Lương Quang Minh)	700.000		700.000
743	Lương Thị Soan	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
744	Lương Quang Minh	Người KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.400.000		1.400.000
745	Phạm Thị Bẩy	NCT khuyết tật vận động, trí tuệ đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
746	Phạm Thị Tâm	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Phạm Thị Bẩy)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
747	Lưu Thị Huệ	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Dổi)	700.000		700.000
748	Nguyễn Thị Hồng	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Đức Khoa)	700.000		700.000
749	Phạm Đức Khoa	NKT vận động, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
750	Phạm Thị Dổi	NCTKT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
751	Lương Thị Hiền	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
752	Nguyễn Đình Doãn	NKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
753	Nguyễn Đình Thăng	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
754	Hà Hải Dương	NKT vận động mức độ nặng	1.050.000		1.050.000
755	Vũ Thị Là	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
756	Bùi Thị Hòa	HGĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Xuân)	1.050.000		1.050.000
757	Nguyễn Thị Xuân	NCT KT vận động, nghe, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
758	Nguyễn Thị Nhụ	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
759	Nguyễn Tiến Minh	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
760	Nguyễn Đình Chiến	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
761	Phạm Thị Cương	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Đình Chiến)	700.000		700.000
762	Nguyễn Văn Đoàn	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
763	Nguyễn Thị Tình	NCTKT vận động BĐN	1.750.000		1.750.000
764	Nguyễn Thị Yến Nhi	Người KT nghe, nói, nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
765	Bùi Hữu Nhật Nam	TEKT nghe, nói, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
766	Nguyễn Thị Tình	NCT KT vận động, nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
767	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	TE KT nghe, nói nặng	1.400.000		1.400.000
768	Lưu Thị Mỳ	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
769	Nguyễn Thị Lá	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
770	Lê Thị Nhượng	NCT. KT vận động, trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
771	Nguyễn Tiến Tha	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
772	Nguyễn Thị Diệu Linh	TE. KT vận động, thần kinh, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
773	Phạm Thị Huyền	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Diệu Linh)	700.000		700.000
774	Nguyễn Thị Lại	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
775	Nguyễn Thị Toan	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
776	Trần Văn Nguyện	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Trần Ngọc Anh)	700.000		700.000
777	Trần Ngọc Anh	TE KT trí tuệ, vận động, nghe, nói ĐBN	1.750.000		1.750.000
778	Cao Thị Huệ	NKT nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
779	Trần Văn Tài	NKT vận động, nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
780	Nguyễn Thị Thu	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (trần văn tài)	700.000		700.000
781	Nguyễn Thị Thu	HGĐ CS NKT ĐBN nuôi dưỡng 01 con dưới 36 tháng (Cao Thị Huệ)	1.050.000		1.050.000
782	Nguyễn Hữu Tuấn	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
783	Nguyễn Tiến Thủy	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Hà Thị Nụ)	700.000		700.000
784	Nguyễn Thị Chinh	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
785	Hà Thị Nụ	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
786	Nguyễn Thị Lộc	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
787	Hoàng Văn Chính	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
788	Đỗ Văn Bằng	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
789	Nguyễn Thị Hải Vân	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
790	Nguyễn Thị Xuân	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
791	Phạm Đức Công	NKT thần kinh, tâm thần, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
792	Nguyễn Thị Lan	Hộ GĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Đức Lực)	700.000		700.000
793	Phạm Đức Lực	NKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.400.000		1.400.000
794	Nguyễn Thị Ngà	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
795	Nguyễn Thị Ổn	Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con đẻ, con nuôi hợp pháp hoặc có nhưng những người này đã chết hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
796	Nguyễn Quang Luân	TE KT trí tuệ nặng	1.400.000		1.400.000
797	Vũ Thị Hương	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
798	Nguyễn Thị Xen	HGĐ nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Xuân Thảnh)	700.000		700.000
799	Nguyễn Xuân Thảnh	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
800	Nguyễn Thị Loan	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
801	Nguyễn Ngọc Trường	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Tình)	700.000		700.000
802	Nguyễn Thị Hương Bích	NKT vận động, nghe, nói, thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
803	Nguyễn Hữu Quân	TE KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
804	Trần Văn Hai	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
805	Cù Tuấn Quý	NKT nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
806	Nguyễn Thị Lý	NCT KT thần kinh, tâm thần nặng	1.400.000		1.400.000
807	Cao Hoàng Thông	NKT vận động, thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
808	Cù Thị Vui	HGĐ nhận nuôi dưỡng NKT ĐBN (Cù Tuấn Quý)	1.050.000		1.050.000
809	Nguyễn Đình Thuyết	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
810	Nguyễn Xuân Chuyển	NCTKT vận đông nặng	1.400.000		1.400.000
811	Nguyễn Văn Lượng	NKT vận đông nặng	1.050.000		1.050.000
812	Phạm Thị Vinh	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
813	Nguyễn Thị Lành	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
814	Hoàng Thị Hằng	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
815	Nguyễn Thị Lệ	HGĐCSND (Phạm Hùng Đoàn)	700.000		700.000
816	Phạm Hùng Đoàn	NCTKT Nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
817	Nguyễn Hữu Lui	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
818	Hồng Minh Anh	TEKT vận động, nghe, nói, nhìn, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
819	Hồng Quang Thuyết	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng TEKT ĐBN (Hồng Minh Anh)	700.000		700.000
820	Lương Văn Quýnh	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
821	Nguyễn Danh Tĩnh	NCTKT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
822	Nguyễn Thị Tính	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
823	Hà Thế Phong	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Phạm Thị Vinh)	700.000		700.000
824	Nguyễn Danh Lộc	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Đất)	700.000		700.000
825	Nguyễn Trọng Hợp	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Thị Sôi)	700.000		700.000
826	Nguyễn Thị Hiền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Danh Tĩnh)	700.000		700.000
827	Nguyễn Văn Trường	HGĐ nhận chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Nguyễn Thị Tính)	1.050.000		1.050.000
828	Phạm Thị Hiền	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Đức Hạ)	700.000		700.000
829	Nguyễn văn Nối	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
830	Nguyễn Ngọc Chiến	NCTKT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
831	Nguyễn Thị Lý	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
832	Nguyễn Thị Lư	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
833	Nguyễn Văn Nhưỡng	NKT nhìn nặng	1.050.000		1.050.000
834	Nguyễn Bá Đông	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
835	Nguyễn Thị Tuyên	NCTKT vận động; nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
836	Nguyễn Thị Thoi	NCTKT thần kinh, tâm thần Nặng	1.400.000		1.400.000
837	Hoàng Văn Ban	NCTKT nghe nói nặng	1.400.000		1.400.000
838	Phạm Đức Dũng	NKT vận động ĐBN	1.400.000		1.400.000
839	Phạm Đức Chinh	HGĐ chăm sóc nuôi dưỡng NKT vận động ĐBN (Phạm Đức Dũng)	700.000		700.000
840	Hoàng Văn Trọng	Người KT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
841	Nguyễn Thị Tuyết	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Vũ Thị Nhưng)	700.000		700.000
842	Nguyễn Hữu Lanh	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Nguyễn Thị Doan)	700.000		700.000
843	Phạm Đức Sổ	Hộ gia đình CSND (Lê Thị Chách)	700.000		700.000
844	Phạm Xuân Vỹ	NCTKT nhìn, thần kinh, tâm thần ĐBN	1.750.000		1.750.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
845	Hà Thị Quyên	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Phạm Xuân Vỹ)	700.000		700.000
846	Phạm Đức Chiều	NCTKT thần kinh, tâm thần ĐBN	1.750.000		1.750.000
847	Phạm Thị Thuỷ	NCTKT vận động nhìn đặc biệt nặng	1.750.000		1.750.000
848	Phạm Đức Quân	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NCTKT ĐBN (Phạm Đức Chiều và Phạm Thị Thuỷ)	1.400.000		1.400.000
849	Hoàng Văn Năm	người khuyết tật vận động khác mức độ đặc biệt nặng	1.400.000		1.400.000
850	Hoàng Văn Nhuận	NCTKT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
851	Hoàng Văn Tuấn	HGĐ chăm sóc, nuôi dưỡng NKT ĐBN (Hoàng Văn Năm)	700.000		700.000
852	Lê Thị Bốn	NKT thần kinh, tâm thần nặng	1.050.000		1.050.000
853	Vũ Xuân Thuỷ	NKT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
854	Bùi Thị Giáo	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000
855	Nguyễn Thị Sứ	NCT KT nhìn nặng	1.400.000		1.400.000
856	Nguyễn Thị Lạp	NCT KT Vận động nặng	1.400.000		1.400.000
857	Phạm Văn Khiệu	NCT KT Vận động nặng	1.400.000		1.400.000
858	Hà Thị Thơm	NKT Vận động nặng	1.050.000		1.050.000
859	Vũ Thị Thơm	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
860	Nguyễn Thị Vường	NCT Vận động nặng	1.400.000		1.400.000
861	Nguyễn Hoàng Minh Quý	TE KT trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
862	Nguyễn Thị Thu	Hộ gia đình CSND (Nguyễn Hoàng Minh Quý)	700.000		700.000
863	Lương Đức Lương	NCT Khuyết tật vận động, nói, nặng	1.400.000		1.400.000
864	Nguyễn Thị Xu	NCT KT nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
865	Nguyễn Thị Lập	Hộ gia đình CSND (Nguyễn Thị Xu)	700.000		700.000
866	Trịnh Thị Cán	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 01/2022/NQ-HĐND	1.050.000		1.050.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
867	Phạm Thị Diên	Hộ gia đình CSND (Nguyễn Văn Hành)	700.000		700.000
868	Bùi Thị Nụ	NCT KT vận động nặng	1.400.000		1.400.000
869	Nguyễn Khắc Dán	Người KT vận động nặng	1.050.000		1.050.000
870	Nguyễn Thị vẻ	NCT Nhìn ĐBN	1.750.000	350.000	2.100.000
871	Nguyễn Hữu Đương	Hộ gia đình CSND NKT ĐBN (Nguyễn Thị Vẻ)	700.000	700.000	1.400.000
872	Phùng Thị Thảo	NKT Nhìn ĐBN	1.400.000		1.400.000
873	Nguyễn Văn Hùng	Hộ gia đình CSND (Phùng Thị Thảo)	700.000		700.000
874	Phạm Thị Xuân	NCT khuyết tật vận động Nặng	1.400.000		1.400.000
875	Lê Thị Quỳnh	NKT trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
876	Trịnh Thị Huyền	Hộ GĐCSND NCT KT ĐBN (Phạm Văn Dùng)	700.000		700.000
877	Phương Thị Thắm	Hộ GĐCSND NCT KT ĐBN (Nguyễn Thị Tiếp)	700.000		700.000
878	Ngô Như Phương	Hộ GĐCSND NCT KT ĐBN (Vũ Thị Biêm)	700.000		700.000
879	Trần Thị Ngoạn	NCT KT Nhìn ĐBN	1.750.000		1.750.000
880	Nguyễn Thị Thanh Nga	Hộ GĐCSND NCT KT ĐBN (Trần Thị Ngoạn)	700.000		700.000
881	Phạm Thị Vĩnh	NCT KT vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000		1.750.000
882	Nguyễn Hữu Thọ	NCT KT nhìn, khác nặng	1.400.000		1.400.000
883	Vũ Thị Luân	Hộ GĐCSND NCT KT ĐBN (Phạm Thị Vĩnh)	700.000		700.000
884	Vũ Thị Tý	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
885	Bùi Hữu Đoàn	Hộ gia đình CSND NKT ĐBN (Vũ Thị Tý)	700.000	700.000	1.400.000
886	Nguyễn Văn Thư	NKT vận động, trí tuệ nặng	1.050.000		1.050.000
887	Bùi Thị Dịu	Hộ gia đình CSND NCT KT ĐBN (Nguyễn Thị Loan)	700.000		700.000
888	Phạm Thị Hậu	Hộ gia đình CSND NCT KT ĐBN (Đỗ Văn Thuân)	700.000		700.000
889	Phạm Văn Thơm	Hộ gia đình CSND NCT KT ĐBN (Bùi Thị Chục)	700.000		700.000
890	Bùi Thị Chục	NCT KT vận động ĐBN	1.750.000		1.750.000
891	Nguyễn Thị Xoa	Hộ gia đình CSND NCT KT ĐBN (Phạm Văn Mười)	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
892	Vũ Tiến Bảo	Hộ gia đình CSND NCT KT ĐBN (Vũ Văn Hiệp)	700.000		700.000
893	Hà Thị Mão	NCT Khuyết tật nhìn Nặng	1.400.000		1.400.000
894	Nguyễn Thị Ngãi	NCT KT vận động, nói, trí tuệ, ĐBN	1.750.000	1.050.000	2.800.000
895	Nguyễn Đình Sức	Hộ gia đình CSND NKT ĐBN (Nguyễn Thị Ngãi)	700.000	700.000	1.400.000
896	Phạm Văn Hải	NCT khuyết tật vận động nặng	1.400.000	700.000	2.100.000
897	Vũ Thị Phạt	NCT khuyết tật vận động, trí tuệ ĐBN	1.750.000	1.050.000	2.800.000
898	Lê Duy Điệu	Hộ gia đình CSND NKT ĐBN (Vũ Thị Phạt)	700.000	700.000	1.400.000
899	Cao Thị Nhỡ	NCT KT vận động nặng	1.400.000	700.000	2.100.000
900	Nguyễn Duy Tửu	NCT KT trí tuệ Nặng		700.000	700.000
901	Nguyễn Khải Hoàn	Hộ gia đình CSND NKT ĐBN (Nguyễn Thị Thơ)		700.000	700.000
902	Nguyễn Như Kính	Hộ gia đình CSND NKT ĐBN (Nguyễn Như Quảng)	700.000	700.000	1.400.000
903	Vũ Thị Nguyệt	NCT khuyết tật vận động, trí tuệ nặng	1.400.000	1.400.000	2.800.000
904	Nguyễn Thị Cẩm	Hộ gia đình CSND NKT ĐBN (Nguyễn Trọng Cường)	700.000	700.000	1.400.000
905	Nguyễn Trọng Cường	NCT khuyết tật vận động ĐBN	1.750.000	1.750.000	3.500.000
906	Nguyễn Ngọc Thục	NCT khuyết tật vận động ĐBN	1.750.000	1.750.000	3.500.000
907	Nguyễn Thị Sáng	Hộ gia đình CSND NKT ĐBN (Nguyễn Ngọc Thục)	700.000	700.000	1.400.000
908	Nguyễn Thị Tứ Lương	NKT Vận động Nặng	1.050.000	1.050.000	2.100.000
909	Nguyễn Thị Loan	NCT không có vợ, chồng, con thuộc diện hộ nghèo hưởng theo NQ số 48/2025/NQ-HĐND	1.050.000	1.050.000	2.100.000
II. HƯU TRÍ XÃ HỘI (1.068 người)			**747.600.000**	**7.700.000**	**755.300.000**
910	Nguyễn Thị Quýt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
911	Bùi Đình Biểu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
912	Lê Thị Chiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
913	Bùi Thị Dậu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
914	Phạm Thị Ngắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
915	Bùi Thị Thạch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
916	Nguyễn Thị Chì	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
917	Nguyễn Văn Miên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
918	Phạm Thị Điểu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
919	Vũ Thị Si	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
920	Vũ Văn Phung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
921	Bùi Thị Soài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
922	Phạm văn Kiểm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
923	Vũ Thị Toàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
924	Phạm Thị Hựu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
925	Nguyễn Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
926	Đoàn Thị Linh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
927	Nguyễn Hữu Dênh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
928	Nguyễn Văn Đằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
929	Nguyễn Thị Hoài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
930	Vũ Thị Dủ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
931	Nguyễn Thị Thời	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
932	Vũ Thị Ngọ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
933	Phạm Thị Phiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
934	Phạm Thị Mủa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
935	Nguyễn Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
936	Nguyễn Văn Thục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
937	Vũ Thị Ấm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
938	Bùi Hữu Thu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
939	Nguyễn Thị Nhót	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
940	Vũ Thị Giá	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
941	Vũ Tiến Thắc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
942	Nguyễn Thị Đoan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
943	Nguyễn Thị Hiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
944	Hoàng Thị Chè	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
945	Vũ Tiến Anh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
946	Bùi Thị Quý (Quí)	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
947	Bùi Quang Mỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
948	Nguyễn Thị Thụy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
949	Nguyễn Văn Hành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
950	Vũ Thị Uẩn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
951	Vũ Thị Mích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
952	Nguyễn Thị Cương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
953	Bùi Thị Thục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
954	Vương Thị Nhâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
955	Phạm Đức San	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
956	Bùi Hữu Bỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
957	Bùi Thị Dụng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
958	Bùi THị Dích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
959	Bùi Thị Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
960	Nguyễn Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
961	Nguyễn Thị Thúy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
962	Nguyễn Thị Ngồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
963	Nguyễn Thế Chấn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
964	Phùng Thị Mót	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
965	Nguyễn Thị Mẽ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
966	Trần Thị Lợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
967	Nguyễn Thị Ổn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
968	Bùi Thị Tý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
969	Nguyễn Thị Mịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
970	Bùi Thị Tý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
971	Bùi Thị Minh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
972	Nguyễn Thế Đính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
973	Bùi Thị Định	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
974	Lê Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
975	Bùi Thị Chảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
976	Chu Thị Thoảng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
977	Phạm Thị Ngà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
978	Nguyễn Thị Thơi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
979	Bùi Đình Vượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
980	Nguyễn Thị Hà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
981	Nguyễn Văn Mích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
982	Bùi Thị Lục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
983	Nguyễn Thị Nhăng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
984	Bùi Thị Ngọ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
985	Bùi Năng Chàng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
986	Lê Thị Lõn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
987	Hà Thị Châm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
988	Nguyễn Thị Tẽo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
989	Vũ Thị Đan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
990	Nguyễn Thị Hận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
991	Nguyễn Thị Lập	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
992	Nguyễn Trọng Lộc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
993	Bùi Quang Nghi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
994	Nguyễn Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
995	Bùi Thị Kim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
996	Phạm Thị Hợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
997	Bùi Thị Bần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
998	Bùi Hữu Tộ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
999	Phạm Văn Đà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1000	Nguyễn Thị Đài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1001	Bùi Thị Tồn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1002	Bùi Thị Oanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1003	Phạm Thị Nhành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1004	Nguyễn Văn Cỏn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1005	Vũ Thị Liên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1006	Nguyễn Thị Bảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1007	Trần Thị Bảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1008	Nguyễn Thị Ý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1009	Thạch Thị Tất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1010	Phạm Thị Hời	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1011	Nguyễn Thị Sỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1012	Phạm Thị Dưa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1013	Phạm Nguyễn Phang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1014	Phạm Thị Vẻ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1015	Trần Thị Súc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1016	Phùng Văn Vạng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1017	Trần Thị Thấy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1018	Phạm Thị Thi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1019	Phạm Nguyễn Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1020	Nguyễn Thị Lại	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1021	Phùng Thị Ang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1022	Trần Thị Từng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1023	Phùng Thị Thơi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1024	Trần Thị Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1025	Trần Thị Ổn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1026	Phạm Thị Bèo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1027	Bùi Thị Huy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1028	Nguyễn Thị Lạng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1029	Bùi Năng Chín	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1030	Vũ Thị Nhớn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1031	Vũ Thị Phành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1032	Phạm Thị Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1033	Vũ Văn Tẩm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1034	Bùi Hữu Luân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1035	Bùi Thị Sự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1036	Nguyễn Thị Mừng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1037	Phạm Thị Tẹo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1038	Phạm Văn Ất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1039	Nguyễn Thị Ngoi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1040	Dương Thị Tạo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1041	Nguyễn Thị Soạn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1042	Nguyễn Văn Hộ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1043	Nguyễn Thị Loan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1044	Bùi Thị Thuận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1045	Nguyễn Thị Đê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1046	Phạm Thị Thiềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1047	Nguyễn Văn Bảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1048	Vũ Thị Bạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1049	Nguyễn Đình Tỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1050	Nguyễn Văn Tuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1051	Trần Thị Lận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1052	Phạm Thị Cao	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1053	Phạm Tiến Hoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1054	Đỗ Văn Thuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1055	Phạm Thị Siêu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1056	Lê Thị Phiu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1057	Nguyễn Xuân Thiết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1058	Nguyễn Thị Ngoan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1059	Phạm Văn Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1060	Bùi Thị Đôi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1061	Nguyễn Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1062	Bùi Hữu Yết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1063	Phạm Thị Mận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1064	Nguyễn Thị Chinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1065	Bùi Văn Thăng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1066	Nguyễn Thị Hạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1067	Bùi Thị Ngọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1068	Bùi Văn Tráng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1069	Bùi Thị Đông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1070	Bùi Thị Teng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1071	Bùi Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1072	Nguyễn Thị Dồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1073	Phạm Thị Đức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1074	Giáp Thị Luận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1075	Nguyễn Văn Sinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1076	Nguyễn Thị Vui	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1077	Bùi Thị Đạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1078	Bùi Đình Bổng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1079	Nguyễn Đình Chức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1080	Phạm Thị Lẩy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1081	Nguyễn Thị Lự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1082	Vũ Thị Tự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1083	Bùi Hữu Ngụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1084	Hoàng Thị Mon	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1085	Nguyễn Thị Thực	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1086	Vũ Văn Khoái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1087	Phạm Thị Chức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1088	Vũ Văn Thâu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1089	Nguyễn Thị Ngoan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1090	Nguyễn Thị Thuận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1091	Trương Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1092	Nguyễn Xuân Thuỷ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1093	Phạm Tiến Đoàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1094	Phùng Thị Gạch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1095	Phạm Thị Sọi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1096	Phạm Thị Chuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1097	Nguyễn Như Sinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1098	Ngô Thị Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1099	Nguyễn Duy San	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1100	Tăng Ngọc Đạm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1101	Vũ Thạch Tưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1102	Trần Văn Lợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1103	Ngô Văn Quỳnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1104	Phạm Thị Nghể	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1105	Vũ Thị Nhàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1106	Vũ Xuân Huệ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1107	Bùi Thị Thái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1108	Nguyễn Thị Sơn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1109	Nguyễn Văn Bộc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1110	Trịnh Huy Ngưỡng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1111	Trần Văn Thắng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1112	Cao Quang Tiệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1113	Lê Thị Hoè	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1114	Tăng Thị Phong	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1115	Nguyễn Thị Gặn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1116	Nguyễn Thị Bán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1117	Phạm Thị Vẻ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1118	Đoàn Thị Lý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1119	Lê Văn Tám	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1120	Phạm Thị Bẩy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1121	Nguyễn Thị Điều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1122	Hoàng Văn Hoán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1123	Vũ Thị Bé	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1124	Nguyễn Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1125	Phạm Minh Quý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1126	Phạm Thị Giao	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1127	Lê Thị Bỏng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1128	Phạm Thuần Cẩn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1129	Trịnh Đình Thức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1130	Nguyễn Thị Dung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1131	Phạm Thị Sức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1132	Phạm Thị Dị	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1133	Nguyễn Thị Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1134	Phạm thị Thúy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1135	Nguyễn Thị Cháp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1136	Vũ Thị Thông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1137	Phạm Đức Khản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1138	Nguyễn Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1139	Nguyễn Thị Giồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1140	Vũ Thị Xuyện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1141	Nguyễn Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1142	Nguyễn Thị Phin	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1143	Nguyễn Thị Hoài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1144	Ngô Thị Tuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1145	Nguyễn Thị Văn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1146	Nguyễn Thị Nhỡ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1147	Ngô Thị Mùi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1148	Dương Thị Mùi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1149	Dương Thị Ngần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1150	Nguyễn Thị Nội	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1151	Vũ Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1152	Trịnh Thị Thơm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1153	Dương Thị Tám	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1154	Vũ Văn Nhạ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1155	Phạm Văn Miên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1156	Lê Thị Khang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1157	Nguyễn Thị Thơi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1158	Dương Thị Dư	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1159	Nguyễn Thị Ánh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1160	Vũ Lai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1161	Vũ Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1162	Nguyễn Thị Thú	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1163	Phạm Thị Thêu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1164	Phạm Sỹ Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1165	Nguyễn Thị Nhâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1166	Bùi Văn Luân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1167	Phạm Thị Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1168	Lê Văn Huyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1169	Nguyễn Thị Tấc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1170	Phạm Văn Cận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1171	Dương Thị Yến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1172	Đào Thị Châu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1173	Vũ Văn Đạo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1174	Nguyễn Thị Đông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1175	Vũ Thị Công	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1176	Cao Quang Năng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1177	Vũ Đình Tý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1178	Cao Quang Vịnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1179	Vũ Thị Côi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1180	Phạm Thị Châm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1181	Vũ Xuân Đào	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1182	Nguyễn Thị Cậy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1183	Dương Văn Quỵnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1184	Ngô Như Tưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1185	Vũ Thị Biêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1186	Cao Văn Hạc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1187	Cao Quang Ty	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1188	Nguyễn Thị Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1189	Trịnh Đình Chung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1190	Nguyễn Thị Hài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1191	Nguyễn Thị Hà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1192	Nguyễn Thị Quỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1193	Tăng Thị Hòa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1194	Nguyễn Khắc Phụng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1195	Vũ Đình Duề	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1196	Nguyễn Thị Thời	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1197	Trần Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1198	Trịnh Ngọc Hưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1199	Lê Thị Vui	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1200	Trịnh Ngọc Huấn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1201	Lưu Văn Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1202	Tăng Thị Soóng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1203	Nguyễn Thị Láng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1204	Vũ Thị Nhật	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1205	Nguyễn Thị Lụt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1206	Trịnh Ngọc Trung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1207	Trần Văn Hà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1208	Nguyễn Thị Nghiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1209	Vũ Văn Thuỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1210	Vũ Thị Xim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1211	Nguyễn Thọ Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1212	Lê Thị Kim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1213	Vũ Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1214	Nguyễn Thị Liến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1215	Vũ Thị Loan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1216	Vũ Thị Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1217	Vũ Thị Bé	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1218	Lê Thị Phin	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1219	Vũ Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1220	Trịnh Thị Đông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1221	Nguyễn Tuấn Tạo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1222	Vũ Hữu Cung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1223	Vũ Thị Huy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1224	Lê Văn Nghiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1225	Lê Thị So	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1226	Nguyễn Như Đỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1227	Nguyễn Hữu Chẩn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1228	Vũ Thị Đoái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1229	Nguyễn Thị Tem	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1230	Lê Thị Phước	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1231	Đỗ Minh Goòng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1232	Nguyễn Thị Ngó	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1233	Lê Thị Dỏng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1234	Vũ Thạch Phước	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1235	Dương Thị Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1236	Lê Văn Thô	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1237	Ngô Thị Nhỡ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1238	Lê Thị Thịnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1239	Vũ Thị Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1240	Nguyễn Thị Gọn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1241	Vũ Thị Ngoắt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1242	Đỗ Hữu Dương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1243	Vũ Lệnh Hòa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1244	Nguyễn Thị Nhẻ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1245	Lê Thị Tít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1246	Nguyễn Tuấn Vượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1247	Nguyễn Thị Bé	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1248	Vũ Thị Am	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1249	Vũ Đình Bum	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1250	Nguyễn Thị Khánh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1251	Nguyễn Thị Kính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1252	Vũ Thị Sủa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1253	Lê Thị Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1254	Nguyễn Thị Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1255	Vũ Thị Xáp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1256	Vũ Mạnh Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1257	Nguyễn Thị Chỉ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1258	Lê Thị Sen	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1259	Nguyễn Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1260	Nguyễn Xuân Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1261	Lê Thị Tuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1262	Nguyễn Thị Nguồn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1263	Vũ Thị Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1264	Vũ Thị Giáp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1265	Nguyễn Thị Điệu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1266	Vũ Thị Bò	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1267	Nguyễn Khắc Thuôn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1268	Nguyễn Đức Xương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1269	Nguyễn Duy Thuật	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1270	Vũ Đình Tuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1271	Trần Thị Bấy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1272	Nguyễn Thị Mẽ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1273	Phạm Thị Cưỡng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1274	Bùi Văn Thậm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1275	Lê Thị Xít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1276	Nguyễn Xuân Việt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1277	Cao Quang Khuê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1278	Vũ Thị Gừng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1279	Nguyễn Thị Hảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1280	Nguyễn Thị Ái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1281	Vũ Thị Nền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1282	Lê Quý Tỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1283	Lê Thị Chiêu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1284	Lê Đình Tố	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1285	Lê Thị Hiếng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1286	Vũ Thị Láng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1287	Vũ Thị Gấm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1288	Trần Minh Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1289	Trần Văn Thửa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1290	Lê Thị Diệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1291	Nguyễn Trung Thế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1292	Nguyễn Hữu Khảm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1293	Bùi Thị Đần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1294	Nguyễn Thị Mười	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1295	Nguyễn Thị Sâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1296	Nguyễn Thị Véo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1297	Đoàn Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1298	Nguyễn Thị Nhiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1299	Nguyễn Thị Thì	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1300	Nguyễn Thị Chắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1301	Trần Thị Toàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1302	Nguyễn thị Ngòi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1303	Nguyễn Thị Mỏng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1304	Trần Thị Sang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1305	Nguyễn Thị Lờ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1306	Phạm Trọng Tắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1307	Nguyễn Thị Đỗ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1308	Nguyễn văn Lượt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1309	Nguyễn Thị Bẩy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1310	Nguyễn Hữu Châm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1311	Nguyễn Thị Nhiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1312	Nguyễn văn Dũng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1313	Lê Thị Luỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1314	Nguyễn Hữu An	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1315	Nguyễn Thị Cần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1316	Nguyễn Thị Nghí	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1317	Phạm Thị Ga	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1318	Phạm Thị Ghi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1319	Nguyễn Thị Mịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1320	Nguyên Thị Hời	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1321	Nguyễn Thị Bỉ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1322	Phạm Thị Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1323	Nguyễn Thị Chình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1324	Trần Thị Đổi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1325	Nguyễn Thị Thơm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1326	Phạm Thị Vượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1327	Nguyễn Văn Nhất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1328	Nguyễn Thị Sít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1329	Hà Thị Oanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1330	Nguyễn Thị Dù	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1331	Nguyễn Thị Ngần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1332	Lưu Thị Mi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1333	Nguyễn Thị Hán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1334	Lê Huy Thu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1335	Trần Thị An	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1336	Phạm Đức Lợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1337	Hà Thị Tẩm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1338	Tô Minh Tuấn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1339	Nguyễn Thị Thiếu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1340	Nguyễn Hữu Thu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1341	Nguyễn Thị Yên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1342	Vũ Thị Từng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1343	Nguyễn Thị Reo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1344	Nguyễn Thị Nghình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1345	Nguyễn Thị Nhất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1346	Nguyễn Quang Tiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1347	Nguyễn Thị Đông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1348	Nguyễn Thị Toàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1349	Nguyễn Đức Thanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1350	Nguyễn Thị Liễu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1351	Nguyễn Thị Khoát	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1352	Nguyễn Thị Lịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1353	Nguyễn Thị Yết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1354	Nguyễn Thị Nền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1355	Nguyễn Ngọc Thuỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1356	Nguyễn Thị Nguyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1357	Nguyễn Ngọc San	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1358	Nguyễn Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1359	Nguyễn Thị Bồi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1360	Bùi thị Việt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1361	Triệu Thị Nháng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1362	Nguyễn Thị Vò	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1363	Phạm Thị Tiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1364	Nguyễn Thị Xuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1365	Bùi Ngọc Giảng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1366	Nguyễn Thị Hẹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1367	Nguyễn Thị Ha	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1368	Bùi Thị Độn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1369	Nguyễn Thị Nhàng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1370	Nguyễn Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1371	Nguyễn Thị Phi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1372	Nguyễn Thị Lề	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1373	Nguyễn Thị Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1374	Nguyễn Thị Chỉ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1375	Lê Thị Thện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1376	Tạ Thị Lạng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1377	Nguyễn Thị Dân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1378	Nguyễn Thị Dịp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1379	Phạm Thị Tưới	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1380	Phạm Đức Sổ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1381	Phạm Thị Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1382	Nguyễn Thị Lẻo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1383	Nguyễn Thị Ngại	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1384	Vũ thị Tạo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1385	Phạm Thị Trái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1386	Nguyễn Thị Diệu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1387	Lương Văn Thập	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1388	Phạm Thị Sể	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1389	Lê Thị Tô	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1390	Nguyễn Tiến Hấp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1391	Nguyễn Thị Đất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1392	Nguyễn Thị Kẹo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1393	Lê Nho Phan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1394	Nguyễn Thị Điển	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1395	Nguyễn Tiến Lỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1396	Hà Thị Ngay	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1397	Nguyễn Thị Bép	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1398	Nguyễn Thị Kén	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1399	Hoàng Văn Cục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1400	Nguyễn Thị Pho	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1401	Hà Thế Luận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1402	Nguyễn Thị Xuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1403	Đỗ Thị Luận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1404	Lê Thị Thủy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1405	Lê Thị Bệch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1406	Lê Thị Luật	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1407	Lê Nho Khuê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1408	Nguyễn Thị Khích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1409	Phạm Thị Duyền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1410	Nguyễn Thị Sợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1411	Vũ Thị Trường	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1412	Chu Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1413	Dương Văn Mọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1414	Bùi Duy Lai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1415	Bùi Đình Bôi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1416	Phạm Thị Bích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1417	Lưu Thị Tỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1418	Nguyễn Xuân Thương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1419	Vũ Thị Thảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1420	Lê Văn Tràn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1421	Vũ Thị Chư	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1422	Tăng Tiến Cường	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1423	Nguyễn Duy Chuyền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1424	Nguyễn Thị Môn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1425	Vũ Duy Lùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1426	Nguyễn Văn Tiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1427	Đỗ Thị Bích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1428	Phạm Thị Ngoãn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1429	Dương Văn Quýnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1430	Vũ Thị Vít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1431	Vũ Duy Khuê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1432	Nguyễn Thị Bốn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1433	Tạ Thị Diệm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1434	Cao Quang Hiệu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1435	Vũ Thị Tâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1436	Nguyễn Thị Lừng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1437	Vũ Hữu Đài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1438	Phạm Thị Bi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1439	Nguyễn Hải Đăng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1440	Lê Thị Lương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1441	Nguyễn Thị Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1442	Nguyễn Thị Bọt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1443	Phạm Thị Liếng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1444	Nguyễn Thị Hoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1445	Ngô Văn Thứa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1446	Lê Văn Úc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1447	Phạm Thị Thanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1448	Lê Thị Mượt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1449	Vũ Duy Thư	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1450	Nguyễn Thị Quý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1451	Hoàng Thị Xuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1452	Lê Thị Dần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1453	Đào Thị Bàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1454	Phạm Tiến Thành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1455	Phạm Nguyễn Dũng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1456	Nguyễn Thị Kiểu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1457	Phạm Văn Điều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1458	Nguyễn Thị Ngư	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1459	Vũ Thị Mịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1460	Phạm Thị Nhớn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1461	Vũ Tiến Thủy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1462	Nguyễn Thị Kham	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1463	Vũ Văn Phình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1464	Nguyễn Thị Chà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1465	Nguyễn Thị Cậy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1466	Phạm Nguyễn Tùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1467	Nguyễn Thị Dung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1468	Trần Thị Sửu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1469	Nguyễn Thị Hậu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1470	Nguyễn Đình Điều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1471	Nguyễn Văn Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1472	Hoàng Văn Trai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1473	Nguyễn Danh Tòng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1474	Hà Thị Nghệ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1475	Nguyễn Thị Đậu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1476	Nguyễn Thị Mẻo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1477	Trần Minh Xuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1478	Nguyễn Đình Lý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1479	Hồ Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1480	Nguyễn Thị Chỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1481	Lê Đình Ước	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1482	Nguyễn Thị Khình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1483	Nguyễn Thị Khịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1484	Bùi Thị Vách	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1485	Nguyễn Thị Khấm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1486	Nguyễn Thị Lõi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1487	Phạm Thị Hoạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1488	Phạm Thị Ba	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1489	Hoàng Thị Viên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1490	Nguyễn Thị Chút	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1491	Bùi Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1492	Bùi Thị Nhiều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1493	Nguyễn Thị Hòa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1494	Phạm Đức Phúng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1495	Bùi Thị Tách	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1496	Đỗ Thị Phượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1497	Trần Đăng Khoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1498	Nguyễn Thị Xung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1499	Nguyễn Thị Phượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1500	Nguyễn Thị Thể	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1501	Đào Đăng Tín	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1502	Nguyễn Thị Gái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1503	Nguyễn Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1504	Nguyễn Đức Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1505	Nguyễn Thị Tiếng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1506	Hoàng Trung Chính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1507	Nguyễn Danh Hiệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1508	Trần Văn Sùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1509	Nguyễn Thị Đan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1510	Nguyễn Thị Hiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1511	Nguyễn Xuân Nguyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1512	Vũ Thị Thay	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1513	Nguyễn Thị Chắt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1514	Nguyễn Thị Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1515	Vũ Xuân Thắng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1516	Nguyễn Quang Trìu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1517	Nguyễn Thị Oanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1518	Nguyễn Thị Nhi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1519	Nguyễn Văn Dứa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1520	Nguyễn Ngọc Ngoạn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1521	Chu Thị Sỉu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1522	Nguyễn Văn Khảnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1523	Nguyễn Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1524	Lê Thị Chín	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1525	Hoàng Thị An	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1526	Nguyễn Hữu Bốn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1527	Nguyễn Văn Giai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1528	Vũ Cương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1529	Vũ Minh Chức	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1530	Nguyễn Văn Sự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1531	Nguyễn Văn Thắng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1532	Mai Thị Toáy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1533	Nguyễn Thành Vân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1534	Bùi Thị Sào	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1535	Trương Thị Tươi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1536	Nguyễn Thị Miết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1537	Phạm Thị Phành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1538	Nguyễn Văn Đối	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1539	Vũ Tiến Liễu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1540	Nguyễn Thị Sáng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1541	Nguyễn Văn Cố	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1542	Hoàng Thị Hợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1543	Đào Thị Khi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1544	Nguyễn Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1545	Nguyễn Thị Tuấn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1546	Bùi Thị Mỷ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1547	Nguyễn Thị Gạch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1548	Trịnh Thị Huyền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1549	Phạm Thuần Ân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1550	Nguyễn Thị Hỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1551	Phạm Duy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1552	Trịnh Đình Khôi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1553	Nguyễn Thị Ngọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1554	Nguyễn Thị Luận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1555	Nguyễn Đức Thanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1556	Trịnh Thị Vần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1557	Vũ Thị Liêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1558	Trịnh Ngọc Viên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1559	Trịnh Ngọc Vượng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1560	Bùi Thị Lánh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1561	Vương Thị Gần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1562	Vũ Hữu Tuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1563	Vũ Bá Toát	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1564	Vũ Thị Tần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1565	Vũ Năng Thú	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1566	Lê Thị Lượn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1567	Vũ Ngọc Mỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1568	Nguyễn Thị Thoi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1569	Trần Thị Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1570	Lê Văn Tơn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1571	Lê Thị Lý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1572	Nguyễn Thị Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1573	Bùi Thị Thuận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1574	Hoàng Thị Nhiêu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1575	Nguyễn Danh Chất	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1576	Nguyễn Thị Hấng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1577	Phạm An Sơn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1578	Phạm Thị Hoà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1579	Phạm Thị Vui	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1580	Trần Thị Chéo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1581	Vũ Xuân Trình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1582	Trần Thị Phiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1583	Nguyễn Văn Tèo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1584	Vũ Thị Huế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1585	Lê Thị Sửu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1586	Nguyễn Danh Bích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1587	Vũ Thị Nhiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1588	Lê Duy Chuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1589	Đoàn Văn Hưng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1590	Vũ Năng Díu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1591	Nguyễn Thị Chắt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1592	Ngô Thị Chí	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1593	Nhữ Thị Nhạn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1594	Trần Kiệt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1595	Lê Đình Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1596	Nguyễn Thị Vò	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1597	Nguyễn Văn Chén	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1598	Nguyễn Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1599	Nguyễn Đắc Sứng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1600	Nguyễn Thị Díp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1601	Vũ Đình Cà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1602	Nguyễn Hữu Nam	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1603	Nguyễn Ngọc Toản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1604	Nguyễn Hữu Đào	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1605	Vũ Mạnh Hùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1606	Nguyễn Hữu Sáng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1607	Nguyễn Văn Lãi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1608	Nguyễn Thị The	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1609	Nguyễn Văn Quang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1610	Nguyễn Văn Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1611	Vũ Thị Vang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1612	Vũ Thị Điềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1613	Nguyễn Văn Kíp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1614	Nguyễn Đắc Biên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1615	Nguyễn Đình Hinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1616	Nguyễn Thị Tuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1617	Vũ Thị Bíp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1618	Bùi Hữu Sơn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1619	Nguyễn Thị Hậu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1620	Nguyễn Thị Quạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1621	Dương Văn Kha	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1622	Nguyễn Thị Vinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1623	Lê Thị Định	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1624	Nguyễn Thị Dung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1625	Vũ Thị Lập	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1626	Vũ Năng Kính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1627	Nguyễn Thị Tản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1628	Nguyễn Trọng Nhanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1629	Nguyễn Trọng Đỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1630	Nguyễn Đình Chiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1631	Phạm Thị Nhùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1632	Nguyễn Thị Bịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1633	Nguyễn Hồng Ân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1634	Lê Nho Than	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1635	Lê Thị Thi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1636	Vũ Thế La	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1637	Phạm Thị Khoản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1638	Vũ Thị Kỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1639	La Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1640	Vũ Xuân Mỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1641	Lương Thị Năm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1642	Nguyễn Bá Năm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1643	Nguyễn Thị Ngọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1644	Nguyễn Thị Chiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1645	Bùi Thị Nhạn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1646	Phạm Thị Mơ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1647	Lương Văn Viết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1648	Nguyễn Văn Nhỏ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1649	Nguyễn Văn Thiết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1650	Lương Văn Thang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1651	Vũ Thị Thềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1652	Nguyễn Thị Hiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1653	Vũ Thị Phi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1654	Nguyễn Thị Lành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1655	Vũ Xuân Dũng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1656	Lê Thị Va	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1657	Lê Thị Doan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1658	Phạm Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1659	Nguyễn Thị Giản	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1660	Tạ Đình Lê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1661	Phạm Trọng Chằm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1662	Phạm Đức Chuyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1663	Nguyễn Thị Sáu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1664	Vũ Văn Bình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1665	Vũ Thị Nguồn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1666	Vũ Thị Đượm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1667	Vũ Văn Nam	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1668	Nguyễn Thị Dương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1669	Vũ Thị Minh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1670	Bùi Thị Phải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1671	Đào Thị Dân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1672	Nguyễn Văn Diển	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1673	Ngô Như Lợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1674	Nguyễn Văn Xa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1675	Trần Thị Ngàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1676	Nguyễn Văn Xim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1677	Nguyễn Thị Hợp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1678	Nguỹen Thị Lý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1679	Đỗ Xuân Thuỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1680	Lê Thị Ninh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1681	Vũ Đình Nguyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1682	Lê Văn Tuy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1683	Đỗ Thị Ngân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1684	Nguyên Thị Chắc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1685	Nguyễn Thị Viền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1686	Nguyễn Thị Vĩnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1687	Nguyễn Đình Thể	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1688	Vũ Thị Yên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1689	Nguyễn Thị Hoài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1690	Nguyễn Thị Tính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1691	Đỗ Văn Kha	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1692	Nguyễn Đức Hiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1693	Nguyễn Xuân Quang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1694	Nguyễn Đức Nghi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1695	Ngô Thị Đặng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1696	Nguyễn Thị Chẩm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1697	Nguyễn Thị Luống	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1698	Nguyễn Thị Lương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1699	Hà Thị Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1700	Nguyễn Thị Thăm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1701	Lương Văn Nguyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1702	Phạm Đức Điềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1703	Nguyễn Văn Thìn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1704	Nguyễn Hữu Hiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1705	Vũ Thị Thía	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1706	Vũ Tiến Pho	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1707	Phạm Thị Hanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1708	Vũ Thị Tuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1709	Hoàng Huy Thực	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1710	Nguyễn Thị Đoá	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1711	Nguyễn Xuân Đáng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1712	Nguyễn Thị Thú	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1713	Bùi Thị Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1714	Nguyễn Đức Toàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1715	Lê Duy Điệu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1716	Lương Văn Đạm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1717	Nguyễn Thị Liêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1718	Ngô Văn Viết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1719	Phạm Thanh Tảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1720	Vũ Đức Cảnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1721	Vũ Thị Diệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1722	Nguyễn Đình Huân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1723	Ngô Thị Dần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1724	Nguyễn Thị Dư	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1725	Vũ Thị Thấm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1726	Dương Văn Đầm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1727	Lê Đình Côi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1728	Nguyễn Thị Ngận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1729	Nguyễn Thị Luật	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1730	Nguyễn Thị Điềm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1731	Phạm Văn Trực	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1732	Vũ Thị Loan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1733	Ngô Thị Sang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1734	Tăng Văn Quyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1735	Nguyễn Văn Chế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1736	Nguyễn Thế Ngọc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1737	Vũ Văn Mẫn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1738	Nguyễn Thị Đệ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1739	Vũ Thị Xuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1740	Nguyễn Thị Thuốc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1741	Bùi Thị Pha	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1742	Phạm Thị Thần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1743	Nguyễn Văn Xít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1744	Ngô Thị Miến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1745	Nguyễn Văn Hợi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1746	Lê Văn Thường	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1747	Nguyễn Thị Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1748	Vũ Thế Hữu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1749	Trịnh Thị Xoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1750	Nguyễn Thị Huệ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1751	Trần Văn Khai	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1752	Nguyễn Đình Thông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1753	Phạm Đức Giá	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1754	Nguyễn Đình Mẫn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1755	Nguyễn Đình Mận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1756	Nguyễn Thị Thúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1757	Phạm Thị Măng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1758	Nguyễn Thị Vó	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1759	Nguyễn Đức Vy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1760	Trần Thị Tuy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1761	Trình Văn Đoán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1762	Vũ Thị Mủa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1763	Nguyễn Thị Mỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1764	Nguyễn Thị Đoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1765	Nguyễn Thị Xuân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1766	Nguyễn Văn Nghĩa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1767	Nguyễn Thị Ngút	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1768	Nguyễn Văn Quyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1769	Nguyễn Thị Huyền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1770	Nguyễn Thị Uẩn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1771	Vũ Tiến Thưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1772	Vũ Thị Tảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1773	Vũ Thị Xanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1774	Vũ Tiến Dũng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1775	Nguyễn Thị Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1776	Phạm Văn Lược	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1777	Bùi Hữu Lân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1778	Đặng Thị Xít	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1779	Phạm Thị Tê	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1780	Vũ Thị Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1781	Bùi Hữu Thành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1782	Nguyễn Thị Hoàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1783	Nguyễn Thị Loan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1784	Vũ Văn Đảng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1785	Vũ Văn Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1786	Bùi Năng Tự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1787	Nguyễn Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1788	Bùi Năng Giang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1789	Nguyễn Thị Nơ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1790	Nguyễn Văn Vuông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1791	Bùi Quang Nhớn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1792	Nguyễn Thị Lùn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1793	Chu Thị Lịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1794	Nguyễn Bá Phan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1795	Nguyễn Văn Hải	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1796	Bùi Năng Chảnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1797	Lê Thị Bồn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1798	Nguyễn Thị Phận	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1799	Trần Thị Vùng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1800	Trần Thị Lệch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1801	Vũ Thị Phương	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1802	Vũ Văn Tốt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1803	Phạm An Luyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1804	Phạm Thị Vực	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1805	Phạm Bình Điền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1806	Nguyễn Văn Bổi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1807	Nguyễn Văn Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1808	Nguyễn Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1809	Nguyễn Thị Định	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1810	Nguyễn Thị Diếp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1811	Hoàng Minh Xếp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1812	Trần Ngọc Mẫn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1813	Nguyễn Văn Tuyền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1814	Vũ Văn Ban	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1815	Chu Đức Điểm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1816	Vũ Văn Dĩ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1817	Lương Minh Đảm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1818	Trần Đức Ngân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1819	Trần Thị Hùy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1820	Phạm Thị Huế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1821	Phạm Văn Tái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1822	Phạm Thị Tam	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1823	Đặng Thị Hạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1824	Vũ Xuân Tảo	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1825	Cao Thị Tặng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1826	Vũ Đình Diễm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1827	Cao Thị Sáp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1828	Cao Quang Doanh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1829	Nguyễn Thị Tuyến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1830	Nguyễn Thị Sinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1831	Vũ Đình Quỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1832	Trần Thị Ngưu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1833	Nguyễn Thị Dẫn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1834	Đinh Thị Lán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1835	Cao Quang Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1836	Vũ Thị Dính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1837	Trần Văn Phong	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1838	Vũ Đình Duyện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1839	Vũ Đình Bổi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1840	Nguyễn Văn Long	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1841	Vũ Thị Hồng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1842	Cao Quang Y	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1843	Vũ Thị Chiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1844	Lê Văn Cường	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1845	Lê Thị Then	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1846	Trịnh Thị Hiệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1847	Bùi Văn Quý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1848	Vũ Thị Hoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1849	Lê Văn Kiện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1850	Ngô Thị Tài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1851	Lê Thị Nhàn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1852	Nguyễn Thị Tin	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1853	Nguyễn Văn Chí	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1854	Lê Thị Ánh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1855	Dương Thị Hỡi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1856	Vũ Thị Yến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1857	Vũ Thị Tỉnh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1858	Lê Thị Hằng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1859	Vũ Thị Nụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1860	Bùi Văn Vụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1861	Vũ Thị Nụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1862	Vũ Thị Sam	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1863	Vũ Thị Khái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1864	Vũ Hữu Thuỵ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1865	Nguyễn Thị Tình	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1866	Lê Thị Liên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1867	Nguyễn Thị Hiệp	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1868	Vũ Xuân Đáng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1869	Trần Thị Ái	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1870	Nguyễn Đắc Xứng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1871	Vũ Thị Thoan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1872	Nguyễn Thị Ban	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1873	Lê Văn Long	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1874	Nguyễn Thị Phóng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1875	Vũ Thu Cúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1876	Vũ Năng Miễn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1877	Vũ Thị Vóc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1878	Hoàng Thị Mắc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1879	Nguyễn Đình Xim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1880	Lê Văn Nện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1881	Vũ Thị Văn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1882	Ngô Thị Đích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1883	Nguyễn Như Kính	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1884	Vũ Thị Huế	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1885	Vũ Thị Luỳ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1886	Bùi Thị Thơ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1887	Triệu Đình Kiền	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1888	Vũ Lệnh Biện	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1889	Lê Thị Vũ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1890	Nguyễn Thị Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1891	Vũ Đăng Nhự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1892	Nguyễn Thị Duyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1893	Vũ Xuân Hưng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1894	Ngô Thị Chiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1895	Vũ Thị Phược	Hưu trí	700.000		700.000
1896	Phạm Thị Phương	Hưu trí	700.000		700.000
1897	Bùi Thị Ngấn	Hưu trí	700.000		700.000
1898	Nguyễn Thị La	Hưu trí	700.000		700.000
1899	Nguyễn Thị sắn	Hưu trí	700.000		700.000
1900	Nguyễn Thị Bốn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1901	Vũ Thị Viên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1902	Lê Thị Nghiêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1903	Nguyễn Thị Chiêm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1904	Vũ Thị THoa	Hưu trí xã hội	700.000	1.400.000	2.100.000
1905	Vũ Hữu Phán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1906	Nguyễn Thị Hiếu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1907	Trần Thị Sinh	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1908	Nguyễn Thị Thắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1909	Nguyễn Thị Dán	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1910	Vũ Đình Hỷ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1911	Phạm Nguyễn Giang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1912	Vũ Thị Tụ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1913	Nguyễn Thị Mãi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1914	Vũ Thị Thoa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1915	Vũ Duy Tý	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1916	Nguyễn Như Quá	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1917	Lê Thị Chậm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1918	Phạm Thuần Kiên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1919	Nguyễn Thị Nắm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1920	Trần Thị Chắn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1921	nguyễn thị sâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1922	nguyễn thị nhung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1923	Trần thành trị	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1924	Nguyễn Đắc Khởi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1925	Đỗ Thị Kim Dung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1926	Đỗ Xuân Khiêu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1927	Phạm Nguyễn Chiều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1928	Phạm Thị Nhung	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1929	Phạm Nguyễn Hãn	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1930	Nghiêm Thị Hường	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1931	Nguyễn Trọng Thị	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1932	Lê Thị Đích	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1933	Hoàng Thị Phúc	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1934	Phạm Thị Tưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1935	Nguyễn Đắc Tơ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1936	Đào Thị Nhâm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1937	Cao Thị Thưa	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1938	Nguyễn Văn Chiến	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1939	Vũ Thị Kim	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1940	Nguyễn Thị Bài	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1941	Nguyễn Thị Đông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1942	Nguyễn Thị Mơ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1943	Nguyễn Thị Bạt	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1944	Trần Thị Thiểu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1945	Nguyễn Thị Minh Chi	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1946	Trình Văn Dự	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1947	Nguyễn Văn Thịch	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1948	Dương Thị Thu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1949	Trần Kim Thông	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1950	Phạm Thị Hưởng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1951	Vũ Văn Đăng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1952	Nguyễn Duy Phiếu	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1953	Nguyễn Thị Lan	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1954	Dương Thị Lần	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1955	Trần Thị Tiển	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1956	Trần Thị Giàng	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1957	Vũ Thị Chành	Hưu trí xã hội	700.000		700.000

STT	Họ và tên	Diện đối tượng	Số tiền TCXH	Truy lĩnh tháng trước	Tổng cộng
1958	Nguyễn Thị Cà	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1959	Hà Thế Phong	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1960	Phạm Thị Ngát	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1961	Phạm Thị Vỏ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1962	Phạm Thị Quy	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1963	Bùi Thị Vân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1964	Nguyễn Thị Huyên	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1965	Vũ Xuân Lục	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1966	Trần Văn Kỹ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1967	Trần Thị Chải	Hưu trí xã hội	700.000	700.000	1.400.000
1968	Bùi Thị Hồi	Hưu trí xã hội	700.000	700.000	1.400.000
1969	Hà Thị Thời	Hưu trí xã hội	700.000	700.000	1.400.000
1970	Phạm Thị Dung	Hưu trí xã hội	700.000	700.000	1.400.000
1971	Nguyễn Thị Bướm	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1972	Phạm Khắc Khang	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1973	Nguyễn Văn Tân	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1974	Lê Thị Thuyết	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1975	Hà Thị Điều	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1976	Trịnh Thị Thọ	Hưu trí xã hội	700.000		700.000
1977	Nguyễn Hữu Năm	Hưu trí xã hội	700.000	3.500.000	4.200.000
TỔNG CỘNG (1.977 người)			**1.859.550.000**	**27.300.000**	**1.886.850.000**